



QUÁCH TẤT KIÊN (Chủ biên)
PHẠM DUY PHƯỢNG CHI – QUÁCH TẤT HOÀN
HỒ THỊ HỒNG – NGUYỄN ANH QUÂN – ĐÀO THỊ THOẢ

Bài tập

TIN HỌC

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUÁCH TẤT KIÊN (Chủ biên)

PHẠM DUY PHƯỢNG CHI – QUÁCH TẤT HOÀN

HỒ THỊ HỒNG – NGUYỄN ANH QUÂN – ĐÀO THỊ THOẢ

Bài tập **TIN HỌC**



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến!

Cuốn sách *Bài tập Tin học 7* được biên soạn nhằm giúp các em học sinh củng cố, rèn luyện các kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tin học cũng như các phẩm chất theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trong cuốn sách này, các bài được trình bày theo trình tự như trong sách giáo khoa Tin học 7. Tương ứng với bài học trong sách giáo khoa, nội dung mỗi bài trong sách gồm phần tóm tắt lí thuyết và phần bài tập. Các dạng bài tập trong sách đa dạng, phong phú như: đánh dấu, ghép nối, điền vào chỗ chấm, chọn phương án đúng/sai, ...

Các em học sinh thực hiện các nội dung trong sách bài tập sau khi đã hoàn thành bài học trong sách giáo khoa. Nội dung sách bài tập sẽ đặc biệt hữu ích ở buổi học thứ hai và trong các giờ tự học.

Chúng tôi hi vọng sách *Bài tập Tin học 7* mang đến niềm vui cho các em học sinh khi học Tin học.

Chúc các em học tập thật tốt!

Các tác giả

Chân trời sáng tạo

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Chủ đề 1. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG.....	5
Bài 1. Thiết bị vào và thiết bị ra.	5
Bài 2. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng.....	7
Bài 3. Thực hành thao tác với tệp và thư mục	10
Bài 4. Phân loại tệp và bảo vệ dữ liệu trong máy tính	12
Chủ đề 2. TỔ CHỨC LUU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN	14
Bài 5. Mạng xã hội	14
CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ I	17
Chủ đề 3. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ	20
Bài 6. Văn hoá ứng xử qua phương tiện truyền thông số	20
Chủ đề 4. ỨNG DỤNG TIN HỌC.....	24
Bài 7. Phần mềm bảng tính	24
Bài 8. Sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức	31
CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ I	35
Bài 9. Định dạng trang tính, chèm thêm và xoá hàng, cột.....	39
Bài 10. Sử dụng hàm để tính toán	43
Bài 11. Tạo bài trình chiếu.....	48
CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ II.....	52
Bài 12. Sử dụng ảnh minh họa, hiệu ứng động trong bài trình chiếu.....	56
Chủ đề 5. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH....	61
Bài 13. Thuật toán tìm kiếm.....	61
Bài 14. Thuật toán sắp xếp	63
CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ II	67
<i>Hướng dẫn và Đáp án</i>	<i>71</i>

Chủ đề 1: MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Bài 1

THIẾT BỊ VÀO VÀ THIẾT BỊ RA

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



Hình 1. Thiết bị vào – ra

II. BÀI TẬP

1. Lựa chọn những cụm từ trong khung để điền vào chỗ chấm cho phù hợp.

- a) Thiết bị vào thực hiện thông tin dạng thường gấp (văn bản, hình ảnh, âm thanh, tiếp xúc, chuyển động), thành dữ liệu số (dãy các bit) và trong máy tính.
- b) Thiết bị ra thực hiện chuyển đổi dữ liệu thành dạng thông tin thường gấp như văn bản, hình ảnh, âm thanh.
- c) Ổ đĩa cứng không được coi là thiết bị vào – ra vì chúng không thực hiện dạng thông tin thường gấp thành dữ liệu số trong máy tính và ngược lại.

trong máy tính;
tiếp nhận;
chuyển đổi;
chức năng
chuyển đổi;
đưa vào.

2. Những thiết bị vào nào dưới đây tiếp nhận thông tin dạng tiếp xúc, chuyển động?

- A. Bàn phím.
- B. Máy quét.
- C. Màn hình cảm ứng.
- D. Webcam.
- E. Chuột.
- F. Micro.
- G. Micro.

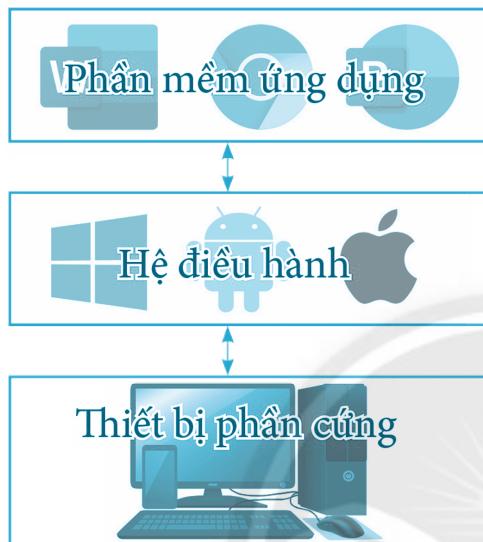
- 3.** Những thiết bị nào dưới đây thực hiện chức năng của thiết bị ra?
- A. Màn hình. B. Màn hình cảm ứng. C. Máy ảnh kỹ thuật số.
D. Loa. E. Ổ đĩa cứng. G. Máy chiếu. H. Máy in.
- 4.** Những thiết bị vào – ra nào dưới đây có thể thực hiện các chức năng lưu trữ, xử lí và trao đổi thông tin với máy tính?
- A. Máy in. B. Máy ảnh kỹ thuật số. C. Bàn phím.
D. Loa thông minh. E. Chuột. G. Máy quét.
- 5.** Lựa chọn phương án đúng, lí do cần có nhiều loại thiết bị vào khác nhau là vì:
- A. Có nhiều dạng thông tin khác nhau cần được đưa vào máy tính.
B. Mỗi loại thiết bị vào chỉ tiếp nhận được một dạng thông tin.
C. Mỗi loại thiết bị vào có thể tiếp nhận nhiều dạng thông tin khác nhau.
- 6.** Theo em, tại sao các thiết bị nhớ (ổ đĩa cứng, thẻ nhớ, đĩa quang, ...) không được coi là thiết bị vào – ra?

.....
.....

- 7.** Những thiết bị nào dưới đây có chức năng của chuột máy tính?
- A. Màn hình cảm ứng. B. Màn hình. C. Vùng cảm ứng chuột.
- 8.** Bàn phím ảo thường có sẵn ở những loại máy tính nào dưới đây?
- A. Điện thoại thông minh. B. Máy tính để bàn. C. Máy tính bảng.
- 9.** Thực hiện những điều nào dưới đây sẽ gây lỗi, hỏng máy tính hoặc nguy hiểm cho người dùng?
- A. Đóng các chương trình ứng dụng rồi tắt máy tính bằng chức năng **Shut down**.
B. Tắt máy tính bằng cách ngắt nguồn điện cấp cho máy tính hoặc nhấn giữ nút nguồn điện trên thân máy.
C. Chạm tay vào phần kim loại của máy tính khi chưa ngắt nguồn điện.
D. Cắm đầu nối vào cổng kết nối có hình dạng, cấu tạo, kích thước không phù hợp.

HỆ ĐIỀU HÀNH VÀ PHẦN MỀM ỨNG DỤNG

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



Phần mềm ứng dụng chạy trên nền của hệ điều hành, là công cụ, tiện ích cho phép người dùng xử lý công việc trên máy tính.

Hệ điều hành điều khiển và quản lí mọi hoạt động của máy tính.

Nếu không có phần mềm thì phần cứng không hoạt động được.

Hình 1. Phần mềm ứng dụng tương tác với thiết bị phần cứng thông qua hệ điều hành

II. BÀI TẬP

1. Lựa chọn những cụm từ trong khung để điền vào chỗ chấm cho phù hợp.

- a) Hệ điều hành kết nối, , điều khiển các thiết bị phần cứng, phần mềm trên máy tính, đảm bảo chúng hoạt động nhịp nhàng trong một hệ thống thống nhất.
- b) Hệ điều hành điều khiển và quản lí mọi hoạt động của máy tính; , quản lí môi trường chạy các phần mềm ứng dụng, trao đổi giữa người dùng và máy tính; tổ chức lưu trữ và quản lí dữ liệu trong máy tính.
- c) Phần mềm ứng dụng tương tác với thiết bị thông qua hệ điều hành.
- d) Phần mềm ứng dụng chạy trên nền của hệ điều hành, là công cụ, tiện ích cho phép người dùng công việc trên máy tính.

phần cứng;
quản lí;
phối hợp;
xử lí;
cung cấp;
thông tin.

- 2.** Chức năng nào dưới đây không thuộc về hệ điều hành?
- A. Điều khiển và quản lí các thiết bị phần cứng trong máy tính.
 - B. Cung cấp và quản lí môi trường giao tiếp giữa người dùng với máy tính.
 - C. Quản lí dữ liệu trong tệp.
 - D. Quản lí các phần mềm ứng dụng và các tệp dữ liệu.
 - E. Cung cấp, quản lí môi trường để chạy các phần mềm ứng dụng trên máy tính.
- 3.** Những phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Nếu chỉ có các thiết bị phần cứng mà không cài đặt hệ điều hành thì máy tính không hoạt động được.
 - B. Phần mềm ứng dụng trực tiếp điều khiển phần cứng mà không cần thông qua hệ điều hành.
 - C. Phần mềm ứng dụng là những chương trình máy tính giúp con người xử lí một công việc cụ thể nào đó, ví dụ như soạn thảo văn bản, lập bảng tính, chỉnh sửa ảnh, tạo bài trình chiếu, ...
 - D. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng có vai trò như nhau trong hệ thống máy tính.
 - E. Hệ điều hành kết nối, quản lí, điều khiển các thiết bị phần cứng, phần mềm trên máy tính, đảm bảo chúng phối hợp hoạt động nhịp nhàng trong một hệ thống thống nhất.
- 4.** Điền các cụm từ *dữ liệu; giao tiếp; hệ điều hành; chương trình; tổ chức và quản lí; virus; môi trường* vào chỗ chấm cho phù hợp.
- a) có chức năng điều khiển các thiết bị phần cứng của máy tính và tổ chức thực hiện các trong máy tính.
 - b) Hệ điều hành kiểm soát mọi hoạt động giữa người dùng và máy tính.
 - c) Hệ điều hành còn làm nhiệm vụ thông tin trên máy tính và cung cấp để người sử dụng tương tác với máy tính.
 - d) Hệ điều hành hỗ trợ sao lưu và phòng chống
- 5.** Phát biểu nào dưới đây là sai?
- A. Người dùng sử dụng máy tính vào nhiều công việc khác nhau nên cần phải có nhiều phần mềm ứng dụng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.
 - B. Cần phải cài đặt các phần mềm ứng dụng vào máy tính trước, sau đó mới cài đặt hệ điều hành.
 - C. Phần mềm ứng dụng được cài đặt vào máy tính khi người dùng có nhu cầu sử dụng.

- D. Phần mềm ứng dụng chạy trên nền của hệ điều hành, là công cụ, tiện ích cho phép người dùng xử lí công việc trên máy tính.
6. Em hãy ghép mỗi mục ở cột bên trái với một mục ở cột bên phải để mô tả đúng về chức năng của hệ điều hành.

1) Quản lý, điều khiển các thiết bị phần cứng	a) phục vụ các tiến trình.
2) Tổ chức lưu trữ, quản lí	b) trao đổi thông tin giữa người sử dụng và máy tính.
3) Quản lí, cấp phát, thu hồi tài nguyên (như CPU, bộ nhớ, ...)	c) hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả.
4) Quản lí tài khoản người dùng, cung cấp môi trường	d) dữ liệu trong máy tính.

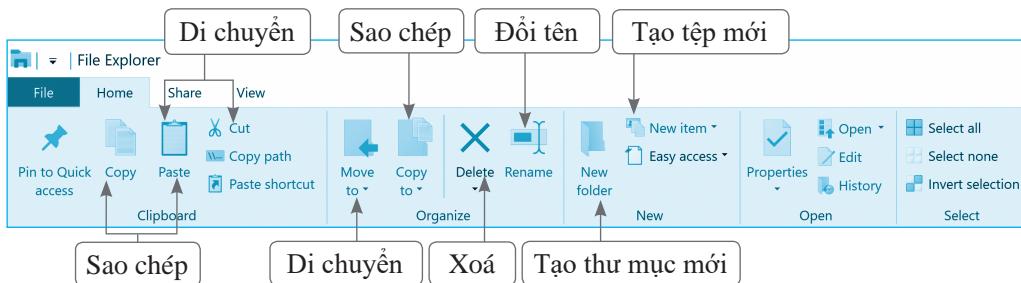
7. Đánh dấu (✓) để phân biệt phần mềm là hệ điều hành hay phần mềm ứng dụng trong *Bảng 1* dưới đây.

Bảng 1. Phần mềm thông dụng

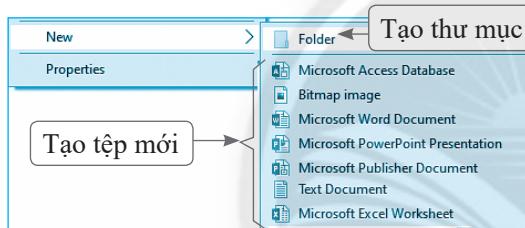
Phần mềm	Hệ điều hành	Phần mềm ứng dụng	Phần mềm	Hệ điều hành	Phần mềm ứng dụng
 MS PowerPoint			 Linux		
 Android			 iMindMap		
 MS Excel			 MS Word		
 Windows 10			 WinRAR		

THỰC HÀNH THAO TÁC VỚI TỆP VÀ THƯ MỤC

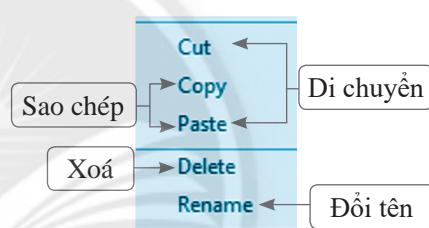
I. TÓM TẮT BÀI HỌC



Hình 1. Một số lệnh thao tác với tệp, thư mục trên dải lệnh **Home** của cửa sổ **File Explorer** (Windows 10)



Hình 2. Sử dụng bảng chọn ngữ cảnh để tạo tệp, thư mục mới



Hình 3. Một số lệnh thao tác với tệp, thư mục trong bảng chọn ngữ cảnh

II. BÀI TẬP

1. Hãy chọn các phát biểu đúng.

- Trong một thư mục, có thể có hai tệp giống nhau phần tên tệp nhưng khác nhau ở phần mở rộng.
- Trong một thư mục có thể có hai tệp khác nhau phần tên tệp và giống nhau ở phần mở rộng.
- Trong mỗi thư mục phải có chứa ít nhất một tệp hoặc thư mục con.
- Tổ chức, lưu trữ dữ liệu theo cấu trúc cây thư mục giúp người dùng dễ dàng quản lý, tìm kiếm dữ liệu.

2. Chọn đáp án đúng nhất.

Người dùng có thể thực hiện được thao tác nào sau đây đối với tệp?

- Xoá tệp.
- Sao chép tệp hoặc di chuyển tệp sang thư mục khác.

- C. Tạo mới tệp.
- D. Đổi tên tệp.
- E. Tất cả các phương án A, B, C và D.

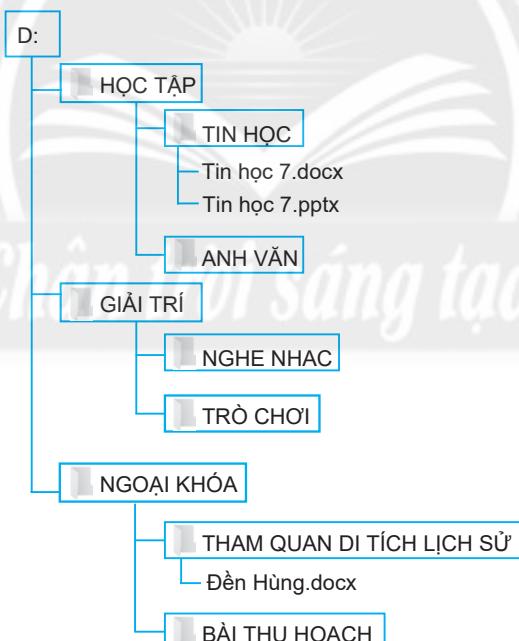
3. Các phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Tên tệp, tên thư mục được đặt ngắn gọn, hợp lí, khoa học, gợi nhớ với nội dung của tệp, thư mục đó để dễ dàng tìm kiếm.
- B. Có thể tạo được nhiều thư mục con cùng tên trong một thư mục mẹ.
- C. Trong tên tệp, tên thư mục có thể chứa một số kí tự đặc biệt như: <, >, :, “, /, \, |, ?, *.
- D. Có thể lưu trữ nhiều tệp tin trong cùng một thư mục.

III. THỰC HÀNH

4. Em hãy tạo cây thư mục như *Hình 4* và thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Đổi tên thư mục **NGOẠI KHOÁ** thành **TRÁI NGHIỆM**.
- b) Di chuyển tệp **Đèn Hùng.docx** sang thư mục **BÀI THU HOẠCH**.
- c) Xoá thư mục **THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ**.



Hình 4. Cây thư mục

- 5. Hằng năm, bố An thường lập kế hoạch đưa gia đình tham quan, chụp ảnh tại một vài di tích, danh lam, thắng cảnh vào dịp nghỉ hè. An được bố giao nhiệm vụ lưu trữ các bức ảnh vào máy tính. Theo em, bạn An nên tạo cây thư mục như thế nào để dễ tìm kiếm khi cần?**

PHÂN LOẠI TỆP VÀ BẢO VỆ DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

- Tệp được phân loại theo định dạng (quy cách ghi dữ liệu) của tệp. Phần mở rộng của tệp giúp hệ điều hành (và người sử dụng) biết tệp thuộc loại nào.
- Sao lưu dữ liệu và phòng chống virus là hai biện pháp thường dùng để bảo vệ dữ liệu.

II. BÀI TẬP

1. Lựa chọn những cụm từ trong khung để điền vào chỗ chấm cho phù hợp.

- a) Tệp được theo định dạng của tệp. của tệp giúp hệ điều hành và người sử dụng biết tệp thuộc loại nào.
- b) Sao lưu dữ liệu và phòng chống virus là hai biện pháp thường dùng để Cân nắm vững các nguyên tắc sử dụng máy tính để đảm bảo.....
- c) Dữ liệu trong máy tính có thể bị mất, hư hỏng nên ta cần phải thường xuyên dữ liệu.
- d) Để ngăn ngừa và tiêu diệt phần mềm độc hại phá hoại dữ liệu, máy tính phải luôn luôn cài đặt và sử dụng

phân mở rộng;
sao lưu;
bảo vệ dữ liệu;
an toàn dữ liệu;
phần mềm diệt virus;
phân loại.

2. Hãy chọn các phát biểu đúng về tệp và phân loại tệp.

- A. Phần mở rộng của tệp giúp nhận biết loại tệp. Phần mở rộng của tệp gồm những ký tự sau dấu chấm cuối cùng trong tên tệp.
- B. Tệp được phân loại theo định dạng của tệp. Phần mở rộng của tệp giúp hệ điều hành và người sử dụng biết tệp thuộc loại nào.
- C. Khi tạo tệp mới, người dùng bắt buộc phải gõ phần mở rộng của tệp.
- D. Biểu tượng phần mềm trước tên tệp giúp người dùng nhận biết phần mềm có thể xử lý tệp.

3. Hãy chọn các phát biểu đúng.

- A. Thận trọng khi thực hiện các thao tác xoá, đổi tên, đổi phần mở rộng, di chuyển tệp chương trình vì có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy tính.
- B. Chương trình máy tính không phải là dữ liệu được lưu trữ ở dạng tệp trên thiết bị nhớ.

- C. Tệp chương trình cũng có nhiều loại và được phân biệt bởi phần mở rộng như: .exe (executable), .com (command), .msi (Microsoft Installer), .bat (batch).
- D. Các hệ điều hành thường có chức năng tường lửa để phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công từ phần mềm độc hại.
4. Thực hiện những việc nào dưới đây giúp ngăn chặn phần mềm độc hại trên máy tính?
- A. Luôn cập nhật bản sửa lỗi phần mềm để cải thiện tính năng bảo mật của hệ thống.
 - B. Kiểm tra kỹ độ tin cậy trước khi nháy chuột vào các liên kết hoặc tải dữ liệu từ Internet.
 - C. Thận trọng khi mở tệp đính kèm trong thư điện tử từ địa chỉ lạ gửi đến.
 - D. Không sao chép dữ liệu từ các thiết bị lưu trữ ngoài chưa đủ độ tin cậy.
 - E. Bật chức năng tường lửa (trong MS Windows là Windows Defender Firewall) để hạn chế sự tấn công của phần mềm độc hại.
5. Em hãy ghép mỗi mục ở cột bên trái với một mục ở cột bên phải cho phù hợp.

- 1) Sao lưu dữ liệu là việc sao chép
- 2) Sao lưu ngoài là
- 3) Sao lưu nội bộ có ưu điểm là
- 4) Sao lưu từ xa có nhược điểm là

- a) thực hiện sao lưu, cập nhật bản sao, khôi phục dữ liệu dễ dàng, thuận tiện, nhanh chóng.
- b) cần có kết nối Internet. Có thể bị đánh cắp, mất dữ liệu nếu sử dụng dịch vụ không tin cậy.
- c) dữ liệu cần bảo vệ (bản gốc) sang một nơi khác (bản sao).
- d) bản sao được lưu trữ ở ngoài máy tính chứa bản gốc.

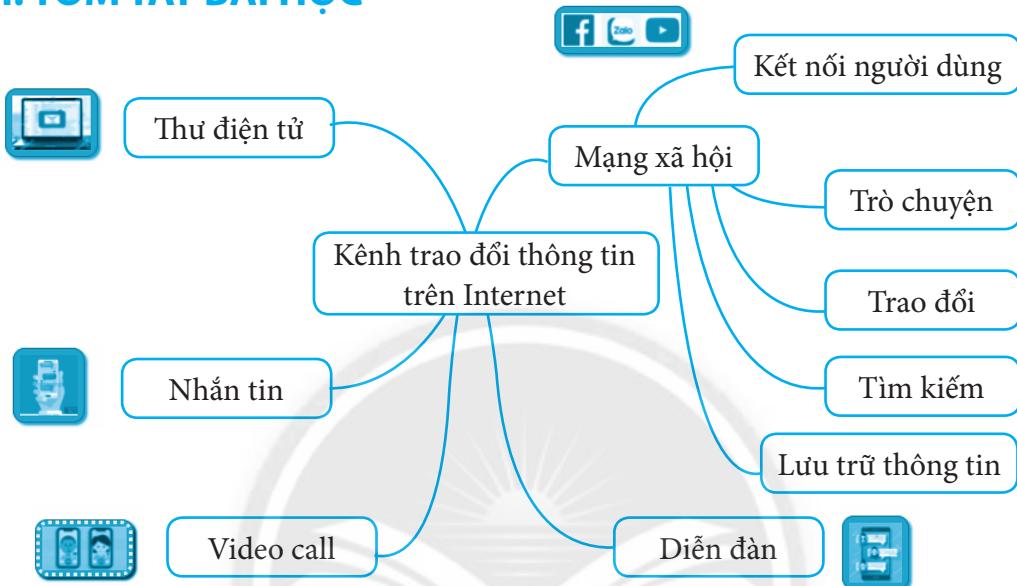
6. Để bảo vệ dữ liệu trong máy tính của mình, em nên làm gì?
- A. Cần nắm vững các nguyên tắc sử dụng máy tính để đảm bảo an toàn dữ liệu.
 - B. Thường xuyên sao lưu dữ liệu định kì.
 - C. Cập nhật bản vá lỗi hệ điều hành.
 - D. Cài đặt phần mềm diệt virus trên máy tính.

Chủ đề 2: TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Bài 5

MẠNG XÃ HỘI

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



II. BÀI TẬP

1. Ghép mỗi mục ở cột A với một mục ở cột B cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1) Một số kênh trao đổi thông tin thông dụng trên Internet như:	a) kết nối người dùng, trò chuyện, trao đổi, chia sẻ, tìm kiếm và lưu trữ thông tin.
2) Chức năng cơ bản của mạng xã hội gồm:	b) giúp phát triển cộng đồng trực tuyến.
3) Một số mạng xã hội phổ biến hiện nay như:	c) thư điện tử, nhắn tin, gọi điện, diễn đàn, mạng xã hội.
4) Tính năng kết nối tài khoản người dùng của mạng xã hội	d) Facebook, Youtube, Zalo, Twitter, Viber, Skype, Tiktok, ...

2. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Mạng xã hội giúp kết nối, duy trì mối quan hệ với người thân, bạn bè.
- B. Mạng xã hội được sử dụng miễn phí và có thể dễ dàng truy cập ở bất cứ nơi đâu khi có mạng Internet.

- C. Sử dụng mạng xã hội là cách duy nhất để trao đổi thông tin trên Internet.
D. Sử dụng mạng xã hội quá nhiều sẽ dẫn đến nghiện mạng xã hội.
3. Không nên dùng mạng xã hội cho mục đích nào dưới đây?
- A. Tìm kiếm tài liệu.
B. Giao lưu, học hỏi bạn bè.
C. Chia sẻ những bài viết về học tập, làm việc tích cực.
D. Bình luận xấu về người khác.
4. Website nào dưới đây không phải là mạng xã hội?
- A. vietnamnet.vn.
B. facebook.com.
C. youtube.com.
D. instagram.com.

5. Em có một bức ảnh chụp chung cùng bạn, bạn em có đề nghị: “Nếu em đăng ảnh này lên mạng xã hội [Facebook](#) thì nhớ hiển thị bức ảnh trên trang cá nhân của bạn ấy”. Vậy làm thế nào em có thể đáp ứng lời đề nghị của bạn khi em đăng bức ảnh này lên mạng xã hội [Facebook](#)?
-
.....
.....
.....
.....
.....
.....

6. Em đã sử dụng mạng xã hội nào? Em thích nhất chức năng nào của mạng xã hội đó? Tại sao?
-
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. THỰC HÀNH

7. Em hãy thực hành tạo một nhóm kín với tên “Gia đình yêu thương”, sau đó thêm tài khoản các thành viên gia đình, bạn bè mình vào nhóm theo các bước hướng dẫn dưới đây.

- ❶ Tại trang chủ chọn biểu tượng Nhóm.



- ❷ Chọn chức năng **Tạo nhóm mới**.
❸ Gõ tên nhóm cần đặt, ví dụ “Gia đình yêu thương”.
❹ Chọn quyền riêng tư (**Công khai** hoặc **Riêng tư**).
❺ Thêm tài khoản gia đình, bạn bè vào nhóm (Mời bạn bè).
❻ Nhấn nút **Tạo** để tạo nhóm.

The left screenshot shows the Facebook homepage with the 'Nhóm' tab selected. A blue box highlights the '+ Tao nhóm mới' button. The right screenshot shows the 'Create New Group' dialog box. It has three main sections: 'Tên nhóm' (Group name) containing 'Gia đình yêu thương', 'Chọn quyền riêng tư' (Privacy) set to 'Công khai', and 'Mời bạn bè' (Invite friends) with the input field 'Nhập tên hoặc địa chỉ email'. At the bottom is a large blue 'Tạo' (Create) button.

Sau khi ấn xong nút **Tạo** trang web sẽ hiển thị giao diện:



8. Em hãy chụp hoặc lấy một bức ảnh của gia đình trong điện thoại/máy tính của mình và đăng lên nhóm “Gia đình yêu thương” em vừa tạo; gắn thẻ bạn bè một vài thành viên trong gia đình mình vào bài đăng đó.



CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ I

1. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Các thiết bị vào – ra của máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh thường được thiết kế nhỏ, gọn, thuận tiện khi di chuyển, sử dụng.
- B. Các thiết bị máy ảnh kĩ thuật số, máy ghi hình kĩ thuật số không cho phép thu thập, lưu trữ và thực hiện xử lí tệp ảnh, tệp video đơn giản.
- C. Với máy tính bảng, điện thoại thông minh, người dùng có thể sử dụng chuột bằng cách dùng ngón tay chạm trực tiếp vào màn hình cảm ứng.
- D. Loa thông minh có thể tương tác với người dùng qua giọng nói như hỏi, đáp về thời tiết, giờ.

2. Thiết bị vào có chức năng:

- A. Thực hiện tiếp nhận thông tin dạng thường gấp và chuyển đổi thông tin thành dữ liệu số rồi đưa vào trong máy tính.
- B. Thực hiện tiếp nhận thông tin, chuyển đổi thành dữ liệu số.
- C. Chuyển đổi thông tin thành dữ liệu số và đưa vào trong máy tính.
- D. Thực hiện chuyển đổi dữ liệu trong máy tính thành dạng thông tin thường gấp như văn bản, hình ảnh, âm thanh.

3. Thiết bị nào sau đây không tích hợp camera, micro ngay trên màn hình hoặc thân máy?

- A. Máy tính bảng.
- B. Máy tính xách tay (Laptop).
- C. Máy tính để bàn (PC – Personal Computer).
- D. Điện thoại thông minh.

4. Chọn phát biểu đúng nhất.

Những kênh trao đổi thông tin phổ biến trên Internet hiện nay là:

- A. Thư điện tử.
- B. Nhắn tin, gọi điện, gọi video call.
- C. Diễn đàn, mạng xã hội.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

5. Phát biểu nào dưới đây là sai?

- A. Phần mềm ứng dụng tương tác với thiết bị phần cứng thông qua hệ điều hành.
- B. Hệ điều hành kết nối, quản lí, điều khiển các thiết bị phần cứng, phần mềm trên máy tính.
- C. Cần phải cài đặt phần mềm hệ điều hành trong máy tính trước, sau đó mới cài đặt các phần mềm ứng dụng.
- D. Cần phải cài đặt các phần mềm ứng dụng trong máy tính trước, sau đó mới cài đặt phần mềm hệ điều hành.

6. Khi soạn thảo văn bản trong MS Word, em gõ tổ hợp phím **Ctrl + S**, phần mềm nào trực tiếp thực hiện lưu dữ liệu vào ổ đĩa?

- A. MS Word.
- B. Hệ điều hành.
- C. Phần mềm gõ tiếng Việt.
- D. Tất cả các phần mềm trên.

7. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Có thể tạo được nhiều thư mục trong một thư mục.
- B. Có thể tạo được nhiều tệp trong một thư mục.
- C. Có thể tạo được nhiều thư mục cùng tên trong một thư mục.
- D. Có thể tạo được nhiều thư mục và tệp trong một thư mục.

8. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Dựa vào phần mở rộng ta có thể biết được máy tính đang sử dụng phần mềm hệ điều hành nào.
- B. Mỗi loại tệp được lưu trong máy tính đều gồm 2 phần là tên và phần mở rộng được phân cách nhau bởi dấu chấm.
- C. Khi đặt tên tệp không cần đặt tên phần mở rộng.
- D. Không nên chỉnh sửa phần mở rộng của tệp để tránh nhầm lẫn cho người sử dụng và có thể làm cho hệ điều hành nhận biết sai loại tệp.

9. Chọn phương án đúng nhất.

Các chức năng cơ bản của mạng xã hội **Facebook** gồm:

- A. Tạo tài khoản mới; chỉnh sửa thông tin cá nhân.
- B. Tạo, đăng tải bài viết mới; chia sẻ, bình luận bài viết.
- C. Tìm kiếm, kết bạn, trò chuyện; theo dõi bạn bè.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

10. Chọn phát biểu đúng nhất.

Đâu là việc không nên làm khi tham gia vào mạng xã hội?

- A. Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, sai sự thật; Cung cấp, chia sẻ thông tin kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội.
- B. Xuyên tạc, vu khống, xúc phạm, làm hạ uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.
- C. Nhắn tin quấy rối, đe doạ, bắt nạt người khác.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

11. Vì sao các thiết bị nhớ (ổ đĩa cứng, thẻ nhớ, đĩa quang, ...) không được coi là thiết bị vào – ra?

.....
.....
.....
.....

12. Hệ điều hành là gì? Hệ điều hành có những chức năng cơ bản nào?

.....
.....
.....
.....

13. Nêu những thao tác có thể thực hiện với thư mục.

.....
.....
.....
.....

14. Để bảo vệ dữ liệu trong máy tính của mình, em nên làm gì?

.....
.....
.....
.....

15. Em hãy nêu ba ưu điểm và ba hạn chế khi tham gia vào mạng xã hội.

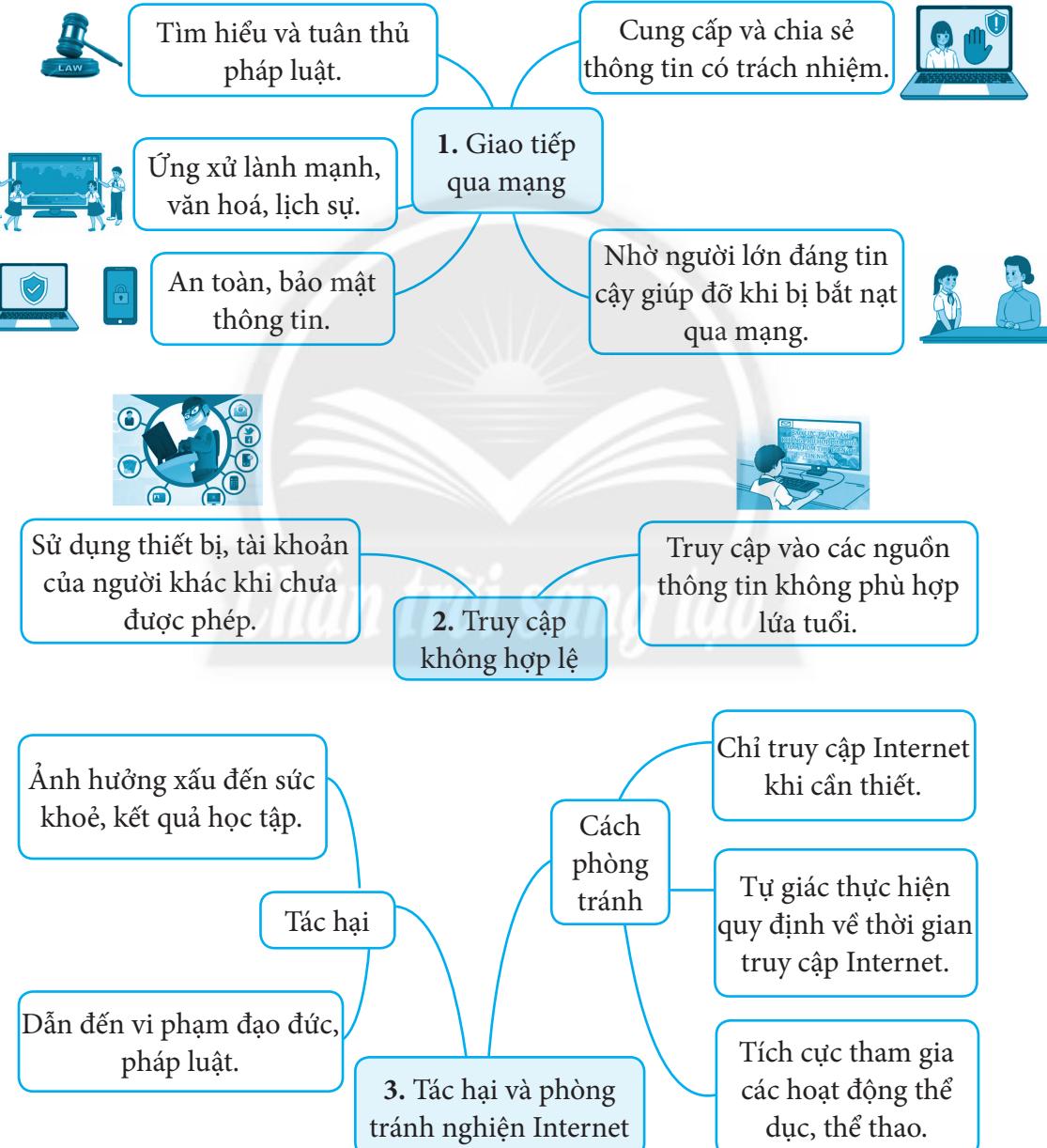
.....
.....
.....
.....

Chủ đề 3: ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

Bài 6

VĂN HÓA ỨNG XỬ QUA PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG SỐ

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



II. BÀI TẬP

1. Em hãy đánh dấu (✓) để chỉ ra những việc nên làm hoặc không nên làm trong *Bảng 1*.

Bảng 1. Những việc nên làm hoặc không nên làm

Việc	Nên làm	Không nên làm
a) Đọc các tin nhắn Zalo của bố mẹ khi được phép dùng điện thoại của bố mẹ để học trực tuyến.		
b) Lấy ảnh của bạn làm ảnh đại diện trên tài khoản Facebook cá nhân của mình.		
c) Đăng một câu chuyện bịa đặt lên mạng xã hội nhằm mục đích gây chú ý.		
d) Chia sẻ bài viết về việc thầy, cô và các bạn ở trường em quyên góp ủng hộ quần áo, sách vở cho các bạn vùng khó khăn.		
e) Tham gia bình luận, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội về một bạn học sinh nào đó khi chưa biết thông tin đó đúng hay sai.		
g) Kết nối vào mạng không dây miễn phí của trường em khi được thầy cô cho phép.		
h) Thông báo với với bố mẹ, thầy cô để được hỗ trợ khi bị nói xấu, đe doạ trên mạng.		
i) Truy cập vào một trang web có nội dung không lành mạnh để xem và chia sẻ cho bạn bè.		
k) Chia sẻ ảnh và thông tin cá nhân của người khác lên mạng xã hội mà chưa được sự đồng ý của người đó.		

2. Em hãy cho biết đâu không phải là biểu hiện của việc nghiện Internet.

- A. Dành quá nhiều thời gian cho việc truy cập Internet.
- B. Sử dụng điện thoại, máy tính mọi lúc, mọi nơi.
- C. Bỏ học, thức khuya để lên mạng.
- D. Chỉ sử dụng Internet để phục vụ việc học tập, giải trí lành mạnh.

- 3.** Khi sơ ý truy cập vào một trang web có nội dung không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi, theo em cần thực hiện việc gì trong các việc dưới đây?
- A. Tiếp tục xem hết nội dung trang web đó.
 - B. Chia sẻ địa chỉ trang web cho bạn của em.
 - C. Đóng ngay trình duyệt trang web.
 - D. Chụp lại ảnh trang web và đăng lên mạng xã hội.
- 4.** Theo em tình huống nào sau đây là truy cập hợp lệ?
- A. Truy cập vào tài khoản mạng xã hội **Facebook** của người khác khi biết được tài khoản đăng nhập và mật khẩu.
 - B. Truy cập vào các liên kết do thầy cô gửi để lấy tài liệu học tập.
 - C. Sử dụng máy tính, điện thoại của bạn khi chưa biết bạn có đồng ý hay không.
 - D. Truy cập vào trang web có nội dung kích động bạo lực, cổ xuý cho hành vi thiếu văn hoá, vô cảm.
- 5.** Dán dấu (✓) vào ô trống để chọn những cách đúng giúp phòng tránh nghiện Internet trong *Bảng 2*.

Bảng 2

a) Chỉ truy cập Internet để phục vụ học tập, giải trí lành mạnh.	
b) Cần hình thành thói quen truy cập Internet mọi lúc, mọi nơi, không rõ mục đích.	
c) Tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất, vui chơi ngoài trời.	
d) Tăng cường giao lưu, trò chuyện trực tiếp với người thân, bạn bè.	
e) Cài đặt phần mềm giới hạn thời gian truy cập Internet.	
g) Rèn luyện thói quen thức khuya để sử dụng mạng Internet.	

6. Ghép mỗi mục ở cột A với một mục tương ứng ở cột B.

Cột A	Cột B
1) Khi cần gửi bài hoặc trao đổi riêng với thầy cô, em sẽ sử dụng:	a) Mạng xã hội (ví dụ như Facebook) ở chế độ công khai.
2) Khi muốn các bạn trong lớp biết thông tin kế hoạch của lớp cho những ngày như 8-3, 20-10, 20-11, em gửi thông tin vào:	b) Tài khoản thư điện tử hoặc tài khoản mạng xã hội (ví dụ như Zalo) cá nhân.
3) Khi muốn đăng ảnh của mình hoặc những thành tích học tập đã đạt được lên mạng xã hội để chỉ những người là bạn bè của em biết, em đăng trên:	c) Tài khoản mạng xã hội của em (như tài khoản Facebook) và chọn chế độ bạn bè.

7. Em cần làm gì nếu bị bắt nạt qua mạng?

.....
.....
.....
.....

8. Lan tự ý chia sẻ công khai trên tài khoản mạng xã hội cá nhân bức ảnh chụp chung với các bạn trong lớp. Theo em việc làm của Lan là phù hợp hay không phù hợp? Tại sao?

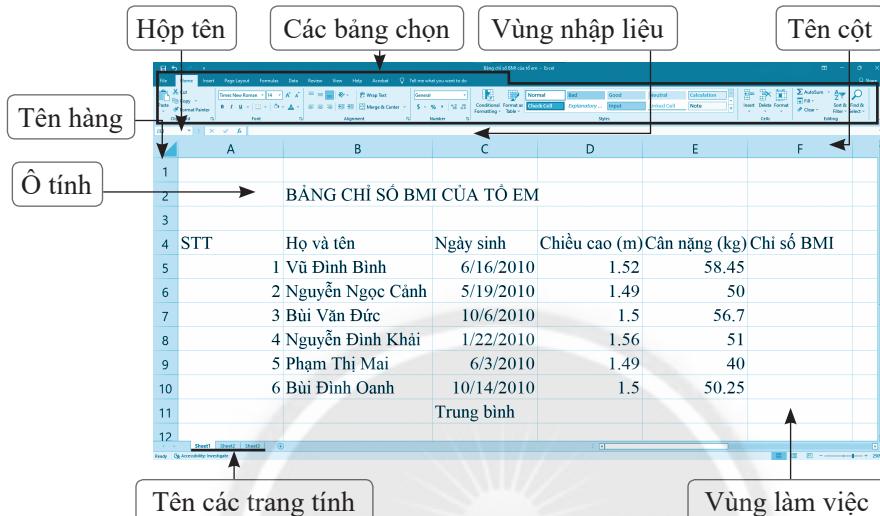
.....
.....
.....
.....

Chủ đề 4: ỨNG DỤNG TIN HỌC

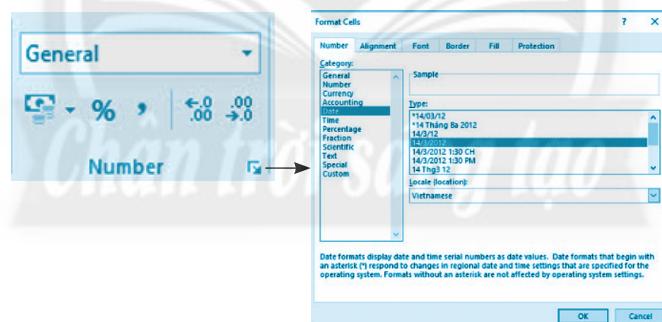
Bài 7

PHẦN MỀM BẢNG TÍNH

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



Hình 1. Màn hình làm việc của MS Excel



Hình 2. Định dạng dữ liệu

Dữ liệu kiểu kí tự		
SUM	x	= $(9.4+9.6*2)/3$
A	B	C
1		
2	Họ và tên	Bùi Văn Oanh
3	Ngày sinh	06/28/10
4	Trung bình học kì 1	9.4
5	Trung bình học kì 2	9.6
6	Trung bình cả năm	= $(9.4+9.6*2)/3$
7		

Hình 3. Kiểu dữ liệu và công thức

II. BÀI TẬP

1. Biểu tượng nào sau đây là biểu tượng của phần mềm bảng tính MS Excel?

- A. . B. . C. . D. .

2. Lựa chọn phát biểu đúng về tính năng của phần mềm bảng tính.

- A. Cho phép người dùng tạo ra những trang trình chiếu phục vụ thuyết trình.
B. Xử lý thông tin được trình bày ở dạng bảng như tính toán, tìm kiếm, sắp xếp hay tạo biểu đồ, đồ thị biểu diễn dữ liệu.
C. Cho phép thao tác soạn thảo các văn bản thô, định dạng phông chữ, màu sắc cùng với hình ảnh minh họa.
D. Là phần mềm thiết kế đồ họa, chỉnh sửa ảnh.

3. Lựa chọn từ/cụm từ trong khung (một từ/cụm từ có thể sử dụng nhiều lần) để điền vào chỗ chấm cho phù hợp.

cột;
hàng;
ô tính;
trang tính;
bảng chọn.

- a) Các của trang tính được ghi tên bằng các chữ cái, bắt đầu là chữ A theo chiều từ trái sang phải. Hàng chứa tên ở phía trên của các
b) Bảng tính mới được tạo mặc định có một có tên là **Sheet1**.
c) Các của trang tính được ghi tên bằng số thứ tự bắt đầu từ số 1 theo chiều từ trên xuống dưới. Cột chứa tên ở bên trái của các
d) Trong MS Excel, **Formulas**, **Data** là hai chứa các lệnh hỗ trợ tính toán, xử lí dữ liệu.
e) Giao của một hàng và một cột trên trang tính tạo thành một Địa chỉ được xác định bởi tên cột ghép với tên hàng. Trên trang tính luôn có một đang được chọn.
g) Vùng làm việc của gồm các và các Giao giữa một cột và một hàng tạo thành một và là nơi chứa dữ liệu.

4. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Bảng tính mới được tạo mặc định có một trang tính có tên là **Sheet1**.
B. Mỗi bảng tính chỉ có tối đa một trang tính và có tên là **Sheet1**.
C. Mỗi bảng tính có thể có nhiều trang tính.
D. Có thể đổi tên trang tính.

5. Chọn phương án đúng nhất.

- A. Chỉ có thể sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím để chọn ô tính.

- B. Chỉ có thể sử dụng chuột để chọn ô tính.
- C. Chỉ sử dụng phím **Tab** để chọn ô tính.
- D. Có thể sử dụng chuột, các phím mũi tên trên bàn phím hay phím **Tab** để chọn ô tính.

6. Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Khối ô tính là một vùng hình chữ nhật gồm nhiều ô tính liền kề nhau.
- B. Khối ô tính có thể là một ô tính, một hàng, một cột.
- C. Khối ô tính phải nằm trên nhiều hàng, nhiều cột.
- D. Có nhiều cách để chọn khối ô tính.

7. Sắp xếp các bước dưới đây để nhập dữ liệu cho ô tính thông qua vùng nhập liệu.

- (a) Nháy chuột vào vùng nhập liệu.
- (b) Gõ dữ liệu.
- (c) Chọn ô tính cần nhập dữ liệu.
- (d) Gõ phím **Enter**.

Thứ tự đúng:

8. Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Có thể nhập dữ liệu trực tiếp vào ô tính.
- B. Có thể nhập dữ liệu cho ô tính thông qua vùng nhập liệu.
- C. Để hoàn tất nhập dữ liệu cho ô tính, ta gõ phím **Enter** hoặc nháy chuột vào ô tính khác.
- D. Chỉ có thể nhập trực tiếp vào ô tính một số kiểu dữ liệu.

9. Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Trong ô tính, mặc định dữ liệu kiểu kí tự được tự động căn lề phải, dữ liệu kiểu số, kiểu ngày được tự động căn lề trái.
- B. Dữ liệu kiểu số có thể là số nguyên, số thập phân, gồm các số từ 0 đến 9 và kí hiệu số âm (-), số dương (+), dấu thập phân.
- C. Dữ liệu kiểu kí tự có thể gồm các chữ cái, chữ số và các kí hiệu soạn thảo.
- D. Mặc định dữ liệu kiểu ngày được nhập vào ô tính theo định dạng là tháng/ngày/năm.

10. Sắp xếp các bước dưới đây để chỉnh sửa dữ liệu cho ô tính thông qua vùng nhập liệu.

- (a) Nháy chuột vào vùng nhập liệu.
- (b) Gõ phím **Enter**.
- (c) Thực hiện chỉnh sửa dữ liệu.

(d) Chọn ô tính.

Thứ tự đúng:

11. Nên chỉnh sửa dữ liệu thông qua vùng nhập liệu khi:

- A. Dữ liệu trong ô tính là dữ liệu kiểu số.
- B. Dữ liệu trong ô tính quá dài.
- C. Dữ liệu trong ô tính là dữ liệu kiểu ngày.
- D. Dữ liệu trong ô tính ngắn.

12. Có thể định dạng dữ liệu kiểu số bằng nhóm lệnh nào?

- A. Nhóm lệnh **Number** trong dải lệnh **Home**.
- B. Nhóm lệnh **Font** trong dải lệnh **Home**.
- C. Nhóm lệnh **Alignment** trong dải lệnh **Home**.
- D. Nhóm lệnh **Page Setup** trong dải lệnh **Page Layout**.

13. Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai?

- A. Công thức trong MS Excel được bắt đầu bởi dấu bằng (=), tiếp theo là biểu thức đại số.
- B. Trình tự thực hiện các phép toán trong MS Excel tuân thủ đúng theo quy tắc Toán học.
- C. Khi nhập công thức cho ô tính ta bắt buộc phải nhập thông qua vùng nhập liệu.
- D. Có thể nhập trực tiếp công thức vào ô tính.

14. Hãy chuyển các biểu thức Toán học ở bảng dưới đây thành biểu thức trong MS Excel ở *Bảng 1*.

Bảng 1. Chuyển biểu thức Toán học sang biểu thức trong MS Excel

Biểu thức Toán học	Biểu thức trong MS Excel
$25 \times 4 + 18 : 3 - 10$
$8^3 - 6^2 + 20 : 5 \times 2$
$\frac{(6 + 10)^2}{8}$
$6ab + 2xy^2$
$\frac{72 : 3}{8 + 4}$
$25 \times 6 : (28 + 2)$

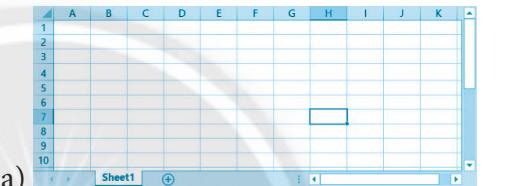
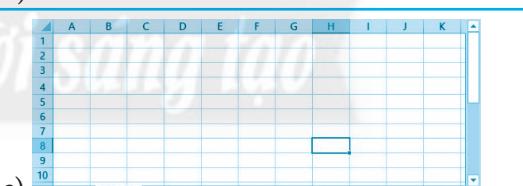
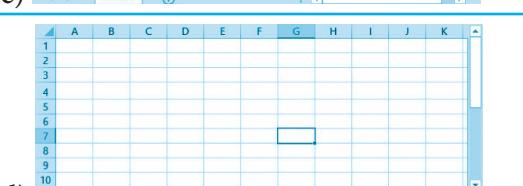
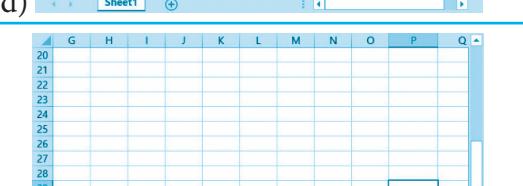
III. THỰC HÀNH

15. Cho màn hình ban đầu như *Hình 4*. Thực hành thực hiện các thao tác ở bên trái rồi ghép với kết quả tương ứng ở cột bên phải.

A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
9										
10										

Hình 4

Bảng 2. Di chuyển trên trang tính để chọn ô tính

Thao tác	Kết quả ô tính được chọn
1) ① Nháy chuột vào hộp tên. ② Gõ P29. ③ Gõ phím Enter.	
2) ① Gõ 3 lần phím Enter. ② Gõ 2 lần phím Tab.	
3) Nháy chuột vào ô tính B7.	
4) ① Gõ 3 lần phím Enter. ② Gõ 3 lần phím →.	
5) ① Gõ 4 lần phím Enter. ② Gõ 3 lần phím →.	

16. Thực hiện thao tác ở cột bên trái và ghi kết quả vào chỗ chấm ở cột bên phải.

Thao tác	Kết quả
Nháy chuột vào ô tính D5.	Ô tính được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào tên hàng 4, nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào tên hàng 9.	Các hàng được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào tên cột B, nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào tên cột F.	Các cột được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào ô tính B4, nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào ô tính H2.	Địa chỉ các ô tính được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào tên hàng 3, nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào tên hàng 8.	Các hàng được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột ở hộp tên và nhập nội dung B3:F8, gõ phím Enter.	Địa chỉ khối: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào tên cột C, nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào tên cột G.	Các cột được chọn: Nội dung hộp tên:
Nháy chuột vào ô tính C2, nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào ô tính G6.	Địa chỉ khối: Nội dung hộp tên:

17. Khởi động MS Excel, thực hiện nhập dữ liệu cho trang tính để có bảng tính tương tự *Hình 1*, và thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Nhập công thức tính *chỉ số BMI* của từng bạn trong tổ và viết công thức em đã lập để tính *chỉ số BMI* của bạn đầu tiên (ô tính F5).

Biết rằng, *chỉ số BMI* được tính như sau:

$$\text{BMI} = \frac{\text{Cân nặng}}{\text{Chiều cao} \times \text{Chiều cao}}$$

- b) Lập công thức tính trung bình *Chiều cao* của các bạn trong tổ và viết công thức em đã lập.
- c) Lập công thức tính trung bình *Cân nặng* của các bạn trong tổ và viết công thức em đã lập.
- d) Lập công thức tính trung bình *chỉ số BMI* của các bạn trong tổ và viết công thức em đã lập.
- e) Thực hiện định dạng dữ liệu kiểu số, ngày để có trang tính tương tự *Hình 5*.
- g) Lưu lại bảng tính với tên tệp: [Bang_chi_so_BMI_cua_To](#).

	A	B	C	D	E	F
1						
2	BẢNG CHỈ SỐ BMI CỦA TỔ EM					
3						
4	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chiều cao (m)	Cân nặng (kg)	Chỉ số BMI
5	1	Vũ Đình Bình	16/6/2010	1.52	58.45	25.30
6	2	Nguyễn Ngọc Cảnh	19/5/2010	1.49	50.00	22.52
7	3	Bùi Văn Đức	6/10/2010	1.50	56.70	25.20
8	4	Nguyễn Đình Khải	22/1/2010	1.56	51.00	20.96
9	5	Phạm Thị Mai	3/6/2010	1.49	40.00	18.02
10	6	Bùi Đình Oanh	14/10/2010	1.50	50.25	22.33

Hình 5. Bảng tính sau khi tính toán và chọn khuôn dạng dữ liệu

SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ Ô TÍNH TRONG CÔNG THỨC

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

a) Sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức

Khi nhập công thức tính toán, ta nên sử dụng địa chỉ của ô tính (hay khối ô tính) thay cho dữ liệu chứa trong đó. Phần mềm bảng tính *sẽ tự động tính toán lại* mỗi khi dữ liệu trong các ô tính (hay khối ô tính) này thay đổi, như vậy ta luôn có kết quả đúng.

b) Sao chép công thức

- Có thể thực hiện sao chép công thức bằng cách sử dụng các lệnh **Copy**, **Paste** hoặc sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).
- Khi sao chép công thức thì vị trí tương đối của ô tính chứa công thức và các ô tính trong công thức là không thay đổi.

II. BÀI TẬP

1. Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Kết quả của công thức sử dụng giá trị cụ thể trong ô tính *sẽ không* thay đổi khi thay đổi dữ liệu trong ô tính đó.
- B. Khi thay đổi dữ liệu trong ô tính, phần mềm bảng tính *sẽ không* tự động tính toán lại những công thức có sử dụng địa chỉ của ô tính đó.
- C. Phần mềm bảng tính cho phép sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức để thay thế cho việc sử dụng dữ liệu trong ô tính đó.
- D. Có thể nhập công thức trực tiếp vào ô tính hoặc thông qua vùng nhập liệu.

2. Phát biểu nào sau đây là sai về sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức?

- A. Khi địa chỉ của ô tính chứa công thức thay đổi thì địa chỉ của các ô tính trong công thức luôn được giữ nguyên.
- B. Khi sao chép công thức thì vị trí tương đối của ô tính chứa công thức và các ô tính trong công thức là không thay đổi.
- C. Mỗi khi có sự thay đổi dữ liệu ở các ô tính có trong công thức thì phần mềm bảng tính *sẽ tự động* tính lại theo dữ liệu mới.
- D. Khi địa chỉ của ô tính chứa công thức thay đổi thì địa chỉ của các ô tính trong công thức cũng tự động thay đổi theo.

3. Phương án nào dưới đây không cho phép thực hiện sao chép công thức?

- A. Sử dụng lệnh **Cut**, **Paste** trên dài lệnh **Home**.

- B. Sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu ([Autofill](#)).
C. Sử dụng tổ hợp phím [Ctrl + C](#) và [Ctrl + V](#).
D. Sử dụng lệnh [Copy](#), [Paste](#) trên dải lệnh [Home](#).
- 4.** Sắp xếp các bước dưới đây theo thứ tự đúng để sao chép công thức bằng lệnh [Copy](#), [Paste](#).
- Chọn nút lệnh [Copy](#) trên dải lệnh [Home](#) hoặc nhấn tổ hợp phím [Ctrl + C](#).
 - Chọn ô tính chứa công thức cần sao chép.
 - Chọn nút lệnh [Paste](#) trên dải lệnh [Home](#) hoặc nhấn tổ hợp phím [Ctrl + V](#).
 - Chọn ô tính hoặc khối ô tính cần sao chép đến.
- Thứ tự đúng:
- 5.** Thao tác nào dưới đây không cần thực hiện khi sao chép công thức bằng chức năng tự động điền dữ liệu ([Autofill](#))?
- Chọn ô tính chứa công thức cần sao chép.
 - Nhấn tổ hợp phím [Ctrl + C](#).
 - Đưa con trỏ chuột đến góc phải dưới ô tính chứa công thức cần sao chép để xuất hiện dấu [+](#).
 - Kéo thả nút diền đến ô tính cuối cùng của khối ô tính muốn được sao chép công thức.
- 6.** Phát biểu nào sau đây không đúng?
- Khi sao chép công thức thì vị trí tương đối giữa địa chỉ của ô tính chứa công thức và các địa chỉ ô tính trong công thức là không thay đổi.
 - Chức năng tự động điền dữ liệu chỉ cho phép thực hiện sao chép công thức dữ liệu đến ô tính (hoặc khối ô tính) liền kề với ô tính chứa công thức cần sao chép.
 - Cách tính và xử lý dữ liệu của công thức được bảo toàn khi sao chép.
 - Có thể sao chép công thức sử dụng giá trị cụ thể trong ô tính đến ô tính có cách tính tương tự mà vẫn cho kết quả đúng.

III. THỰC HÀNH

- 7.** Khởi động MS Excel thực hiện nhập dữ liệu và công thức như *Hình 2*.

	A	B	C	D	E
1					
2		NHẬP DỮ LIỆU VÀ CÔNG THỨC			
3					
4	3				
5	=3*2				
6		=A4^2			
7			=C6*3		
8				=C6+D7	

Hình 2. Nhập dữ liệu và công thức

Giá trị ô tính A4	Kết quả trong các ô tính			
	B5	C6	D7	E8
2				
3				
4				
5				
6				

Bảng 1. Kết quả

- a) Thay đổi dữ liệu của ô tính A4 theo dữ liệu ở cột bên trái của *Bảng 1* và ghi lại kết quả tương ứng trong các ô tính B5, C6, D7, E8 ở trong *Bảng 1*.
- b) Khi thay đổi giá trị ở ô tính A4,
- Ô tính có kết quả không thay đổi là: bởi vì
 - Những ô có kết quả thay đổi là: bởi vì
8. Khởi động MS Excel thực hiện nhập dữ liệu và công thức như *Hình 3a* và điền kết quả vào các ô tính tương ứng ở trong *Hình 3b*.

	A	B	C	D	E
1					
2	SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ Ô TÍNH TRONG CÔNG THỨC				
3					
4	3		=A4+B5+C6	=C6*B5/A4	
5		4	=A4*B5-C6	=A4+B5-C6	
6			6 =(A4+B5)*C6	=C6/A4*B5	

Hình 3a. Nhập dữ liệu và công thức

	A	B	C	D	E
1					
2	SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ Ô TÍNH TRONG CÔNG THỨC				
3					
4	3				
5		4			
6			6		

Hình 3b. Kết quả

9. Mở tệp [Bang_chi_so_BMI_cua_To](#) đã được lưu ở *Bài 7*, thực hiện xoá dữ liệu trong khối ô tính F5:F11 và D11:E11 để có bảng tính như *Hình 4*.

	A	B	C	D	E	F
1						
2	BẢNG CHỈ SỐ BMI CỦA TỘI EM					
3						
4	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chiều cao (m)	Cân nặng (kg)	Chi số BMI
5	1	Vũ Đình Bình	6/16/2010	1.52	58.45	
6	2	Nguyễn Ngọc Cảnh	5/19/2010	1.49	50	
7	3	Bùi Văn Đức	10/6/2010	1.5	56.7	
8	4	Nguyễn Đình Khải	1/22/2010	1.56	51	
9	5	Phạm Thị Mai	6/3/2010	1.49	40	
10	6	Bùi Đình Oanh	10/14/2010	1.5	50.25	
11		Trung bình				

Hình 4. Bảng sau khi xoá dữ liệu

Em hãy sử dụng địa chỉ ô tính để lập công thức và thực hiện:

- a) Lập công thức tính **chỉ số BMI** của bạn đầu tiên trong tổ tại ô tính F5, biết rằng, chỉ số BMI được tính như sau:

$$\text{BMI} = \frac{\text{Cân nặng}}{\text{Chiều cao} \times \text{Chiều cao}}$$

Thực hiện sao chép công thức để tính *chỉ số BMI* cho các bạn còn lại.

- c) Lập công thức tính trung bình *Chiều cao* của các bạn trong tổ vào ô tính D11.
d) Thực hiện sao chép công thức tính trung bình *Chiều cao* của các bạn trong tổ đến khối ô tính E11:F11 để tính trung bình *Cân nặng*, trung bình *Chỉ số BMI* của các bạn trong tổ.
e) Nếu chỉnh sửa *Chiều cao* của bạn Vũ Đình Bình ở ô tính D5 thành 1.6 thì kết quả trong những ô tính nào tự động thay đổi theo? Tại sao?
g) Chỉnh sửa *Cân nặng* của bạn Nguyễn Ngọc Cảnh ở ô tính E6 thành 57 thì kết quả trong những ô tính nào tự động thay đổi theo? Tại sao?
h) Lưu lại bảng tính.

10. Mở bảng tính mới và lập bảng chấm số ca trực tương tự *Hình 5*.

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG CHẤM SỐ CA TRỰC CỦA TỔ BẢO VỆ TRƯỜNG						
2	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ca sáng	Ca chiều	Ca đêm	Tổng số ca
4	1	Ngô Ngọc Ánh	5/25/65	9	10	8	
5	2	Trần Văn Ba	9/12/75	8	7	9	
6	3	Bùi Văn Du	10/6/68	9	8	9	
7	4	Ngô Văn Đức	3/18/80	10	8	8	
8	5	Trần Đình Hưng	7/13/78	8	10	8	
9	6	Vũ Ngọc Việt	7/19/84	8	9	10	

Hình 5. Bảng chấm số ca trực của tổ bảo vệ trường

- a) Sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức để tính *Tổng số ca* của người đầu tiên tại ô tính G4.
b) Sao chép công thức ở ô tính G4 đến khối ô tính G5:G9 để tính *Tổng số ca* cho những người còn lại.
c) Lưu lại bảng tính với tên tệp *Bang_cham_so_ca_truc* và thoát khỏi MS Excel.

CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ I

1. Chọn phương án đúng nhất.

Đĩa cứng, thẻ nhớ, đĩa quang không được coi là thiết bị vào – ra vì các thiết bị này:

- A. Có thể thực hiện xử lí, lưu trữ thông tin, trao đổi thông tin với máy tính.
- B. Không thể thực hiện xử lí, lưu trữ thông tin, trao đổi thông tin với máy tính.
- C. Không thực hiện chức năng chuyển đổi dạng thông tin thường gấp thành dữ liệu số trong máy tính và ngược lại.
- D. Có thể thực hiện chức năng chuyển đổi dạng thông tin thường gấp thành dữ liệu số trong máy tính và ngược lại.

2. Chọn phát biểu đúng.

- A. Hệ điều hành kết nối, quản lí, điều khiển các thiết bị phần cứng, phần mềm trên máy tính.
- B. Phần mềm ứng dụng là phần mềm hệ điều hành.
- C. Cần phải cài đặt các phần mềm ứng dụng trong máy tính trước, sau đó mới cài đặt phần mềm hệ điều hành.
- D. Khi bật máy tính thì phần mềm ứng dụng sẽ khởi động trước phần mềm hệ điều hành.

3. Chọn phương án đúng nhất.

Mạng xã hội [Facebook](#) có những chức năng nào dưới đây:

- A. Tạo tài khoản, chỉnh sửa hồ sơ cá nhân.
- B. Tạo và đăng bài viết, chia sẻ, bình luận, bày tỏ cảm xúc.
- C. Tìm kiếm, kết bạn, trò chuyện, tạo nhóm kín.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

4. Việc làm nào dưới đây là truy cập không hợp lệ?

- A. Sử dụng chức năng thông báo quên mật khẩu để hệ thống gửi mật khẩu mới về hộp thư điện tử hoặc số điện thoại của em.
- B. Sử dụng điện thoại, máy tính của bố mẹ để tìm kiếm tài liệu học tập khi được bố mẹ cho phép.
- C. Kết nối vào mạng wifi của nhà trường cung cấp miễn phí cho học sinh.
- D. Khi được bố mẹ cho phép mượn điện thoại để học tập nhưng tự ý đọc tin nhắn Zalo của bố mẹ.

5. Cho biểu thức toán học $100 - 5 \cdot 3^2 + 2^3$, công thức trong phần mềm MS Excel nào dưới đây tương ứng với biểu thức toán học trên?
- A. $100-5*3*3+2*2*2$.
 B. $=100-5x3x3+2x2x2$.
 C. $=100-5^*3^2+2^3$.
 D. $=100-(5*3*2+2*3)$.
6. Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Khi sao chép công thức thì vị trí tương đối giữa các ô tính trong công thức và ô tính chứa công thức không thay đổi.
 B. Có thể sử dụng lệnh **Copy**, **Paste** để sao chép công thức khi ô tính (hoặc khối ô tính) muốn sao chép đến không liên kề với ô tính chứa công thức.
 C. Có thể sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu khi ô tính (hoặc khối ô tính) muốn sao chép công thức đến không liên kề với ô tính chứa công thức.
 D. Khi sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức, nếu dữ liệu trong các ô tính này thay đổi thì phần mềm bảng tính sẽ tự động tính toán lại và ta luôn có kết quả đúng.

7. Sắp xếp các bước sau đây để tính tổng điểm cho bạn Phạm Thị An.

	A	B	C	D	E	F	G
1	DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI MÔN TIN HỌC 7 CẤP HUYỆN						
2	STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bài thi số 1 Hệ số 1	Điểm bài thi số 2 Hệ số 2	Điểm bài thi số 3 Hệ số 3	Tổng điểm
3	1	Phạm Thị An	1/23/2010	8	9.5	10	57.0
4	2	Nguyễn Thanh Bình	6/19/2010	8	8	9.5	
5	3	Vũ Đức Chung	4/24/2010	8.5	8	8	
6	4	Bùi Thị Thu Hương	8/3/2010	7.5	7.5	8	
7	5	Nguyễn Thị Thanh Hường	10/19/2010	7	8	8.5	

Hình 1

- (a) Nháy chuột vào vùng nhập dữ liệu.
 (b) Chọn ô tính G3.
 (c) Nhấn phím Enter.
 (d) Gõ nội dung $=D3+E3*2+F3*3$.
- A. (b)-(a)-(d)-(c).
 B. (a)-(b)-(d)-(c).
 C. (a)-(b)-(c)-(d).
 D. (b)-(d)-(a)-(c).

8. MS Excel là phần mềm gì?

9. Giao của một hàng và một cột trên trang tính được gọi là:

- A. Trang tính.
B. Ô tính.
C. Tên hàng.
D. Tên cột.

10. Khi sao chép công thức từ ô tính này sang ô tính khác, ta có thể thao tác:

- A. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + V** rồi sau đó nhấn tổ hợp phím **Ctrl + C**.
 - B. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + C** rồi sau đó nhấn tổ hợp phím **Ctrl + V**.
 - C. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + X** rồi sau đó nhấn tổ hợp phím **Ctrl + V**.
 - D. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + C** rồi sau đó nhấn tổ hợp phím **Ctrl + S**.

11. Cấu trúc chung của máy tính gồm những thành phần nào?

A decorative element consisting of four horizontal lines, each composed of a series of small dots, running across the page.

12. Khi thấy bạn của mình bị bắt nạt qua mạng, em nên làm gì?

Cartier

13. Liệt kê một vài tác hại của việc nghiện Internet.

.....
.....
.....

14. Cho bảng dữ liệu như *Hình 2*:

	A	B	C	D	E	F
1						
4 DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI MÔN TIN HỌC 7 CẤP HUYỆN						
5	STT	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Giải	Số tiền
6	1	Phạm Thị An	1/23/2010	7A1	Nhất	VND 300,000
7	2	Nguyễn Thanh Bình	6/19/2010	7A1	Nhì	VND 200,000
8	3	Vũ Đức Chung	4/24/2010	7A3	Nhì	VND 200,000
9	4	Bùi Thị Thu Hương	8/3/2010	7A2	Ba	VND 150,000
10	5	Nguyễn Thị Thanh Hường	10/19/2010	7A1	Ba	VND 150,000

Hình 2

Các dữ liệu được căn lề theo mặc định, hãy hoàn thành ghép nối *Bảng 1* cho phù hợp:

Bảng 1

- | | |
|--|---------------------------|
| 1) Kiểu dữ liệu ở khối ô tính F6:F10 là: | a) Kiểu dữ liệu Number. |
| 2) Kiểu dữ liệu ở khối ô tính A6:A10 là: | b) Kiểu dữ liệu Date. |
| 3) Kiểu dữ liệu ở khối ô tính D6:D10 là: | c) Kiểu dữ liệu Currency. |
| 4) Kiểu dữ liệu ở khối ô tính C6:C10 là: | d) Kiểu dữ liệu Text. |

15. Cho bảng tính kết quả thi môn Tin học 7 cấp huyện như *Hình 3*:

	A	B	C	D	E	F	G
1	DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI MÔN TIN HỌC 7 CẤP HUYỆN						
2	STT	Họ tên	Ngày sinh	Điểm bài thi số 1 Hệ số 1	Điểm bài thi số 2 Hệ số 2	Điểm bài thi số 3 Hệ số 3	Tổng điểm
3	1	Phạm Thị An	1/23/2010	8	9.5	10	57.0
4	2	Nguyễn Thanh Bình	6/19/2010	8	8	9.5	
5	3	Vũ Đức Chung	4/24/2010	8.5	8	8	
6	4	Bùi Thị Thu Hương	8/3/2010	7.5	7.5	8	
7	5	Nguyễn Thị Thanh Hường	10/19/2010	7	8	8.5	

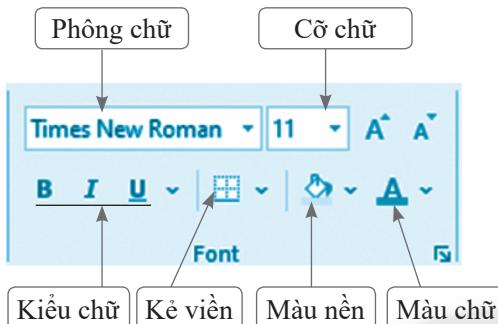
Hình 3

Cột *Tổng điểm* của mỗi học sinh được tính là tổng điểm ba bài thi theo các hệ số đã cho. Theo em, tại ô tính G3 nên gõ công thức như thế nào để khi xảy ra trường hợp phúc khảo lại điểm bài thi, sửa lại điểm của học sinh thì bảng tính tự động cập nhật lại kết quả một cách chính xác?

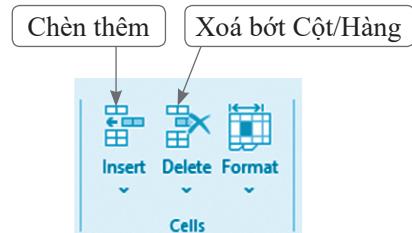
Bài 9

ĐỊNH DẠNG TRANG TÍNH, CHÈN THÊM VÀ XOÁ HÀNG, CỘT

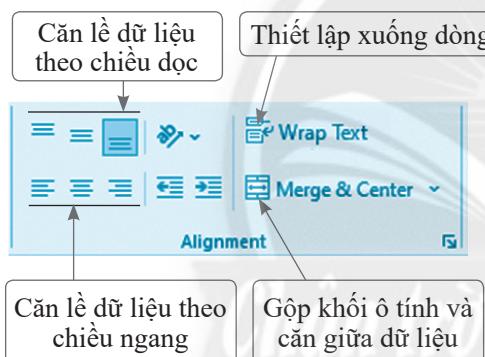
I. TÓM TẮT BÀI HỌC



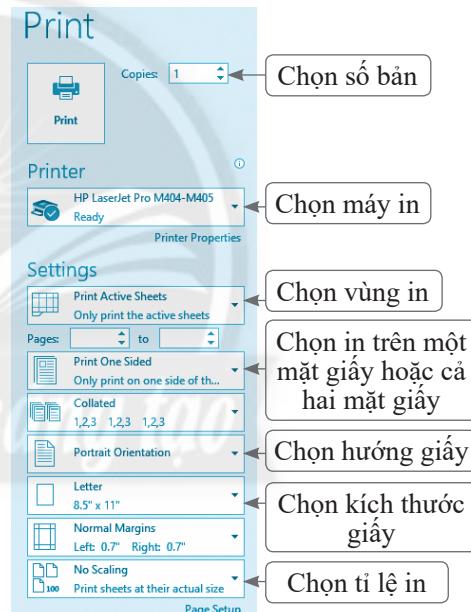
Hình 1. Nhóm lệnh Font



Hình 2. Nhóm lệnh Cells



Hình 3. Nhóm lệnh Alignment



Hình 4. Chọn các thông số in

II. BÀI TẬP

1. Phát biểu nào dưới đây sai?

- A. Định dạng trang tính giúp trang tính đẹp hơn, dễ đọc hơn.
- B. Để định dạng ô tính ta sử dụng nhóm lệnh Home>Cells.
- C. Để định dạng ô tính trước tiên cần chọn ô tính cần định dạng.
- D. Để định dạng ô tính ta sử dụng nhóm lệnh Home>Font và Home>Alignment.

2. Phát biểu nào dưới đây là sai về định dạng trang tính?

- A. Việc định dạng dữ liệu nên được thực hiện trước khi nhập dữ liệu vào trang tính.

- B. Khi trình bày bảng tính, ta có thể thay đổi, điều chỉnh định dạng để trình bày dữ liệu hợp lý, dễ đọc.
- C. Phải thực hiện định dạng dữ liệu sau khi nhập xong dữ liệu vào trang tính.
- D. Khi định dạng ô tính, ta có thể căn lề dữ liệu theo cả chiều ngang và chiều dọc.
3. Trong khi nhập dữ liệu nếu dữ liệu dài, để dữ liệu không bị che khuất hay tràn sang ô bên phải, em sẽ không dùng cách nào trong các cách dưới đây?
- A. Thay đổi độ rộng cột của ô tính đó.
- B. Nhấn tổ hợp phím **Alt + Enter**.
- C. Sử dụng nút lệnh thiết lập xuống dòng  **Wrap Text**.
- D. Thay đổi chiều cao hàng của ô tính đó.
4. Nút lệnh  **Merge & Center** dùng để?
- A. Căn lề giữa dữ liệu trong ô tính.
- B. Gộp khối ô tính và căn lề giữa.
- C. Gộp khối ô tính, căn lề giữa và định dạng kí tự.
- D. Thiết lập xuống dòng cho dữ liệu trong ô tính.
5. Khi thực hiện gộp khối ô nếu trong khối ô tính có nhiều ô tính chứa dữ liệu thì ô tính kết quả sẽ lưu giữ:
- A. Dữ liệu của ô tính có dữ liệu đầu tiên tính từ trên xuống dưới và từ trái sang phải.
- B. Dữ liệu của ô tính có dữ liệu đầu tiên tính từ dưới lên trên và từ trái sang phải.
- C. Dữ liệu của ô tính có dữ liệu đầu tiên tính từ trên xuống dưới và từ phải sang trái.
- D. Dữ liệu của tất cả các ô tính của khối ô tính.
6. Thao tác nào dưới đây để chèn thêm cột (hoặc chèn thêm hàng)?
- A. Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) tại vị trí muốn chèn rồi chọn **Home>Cells>Insert**.
- B. Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) tại vị trí muốn chèn rồi chọn **Home>Cells>Delete**.
- C. Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) tại vị trí muốn chèn rồi chọn **Home>Cells>Format**.
- D. Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) tại vị trí muốn chèn rồi chọn **Home>Insert**.
7. Phát biểu nào dưới đây sai?
- A. Có thể chọn nhiều hàng để chèn thêm (hoặc xoá) nhiều hàng đồng thời.
- B. Có thể chọn nhiều cột để chèn thêm (hoặc xoá) nhiều cột đồng thời.

- C. Có thể chọn nhiều hàng hoặc nhiều cột để chèn hoặc xoá đồng thời.
D. Mỗi lần chỉ có thể thực hiện chèn thêm (hoặc xoá) được một cột hoặc một hàng.
- 8.** Thực hiện thao tác nào dưới đây sẽ xoá cột (hoặc hàng)?
- Nháy chọn một ô tính của cột (hoặc hàng) cần xoá rồi chọn **Home>Cells>Delete**.
 - Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) cần xoá rồi nhấn phím **Delete**.
 - Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) cần xoá rồi chọn **Home>Cells>Delete**.
 - Nháy chuột vào tên cột (hoặc tên hàng) để chọn cột (hoặc chọn hàng) cần xoá rồi nháy nút lệnh **Cut** trên dải lệnh **Home**.

- 9.** Phát biểu nào sau đây sai?

- Khi chèn thêm một hàng, hàng mới sẽ được chèn vào đúng vị trí hàng được chọn.
- Khi chèn thêm cột (hoặc hàng), dữ liệu của cột (hoặc hàng) được chọn sẽ bị xoá đi.
- Khi chèn thêm một cột, cột mới được chèn vào đúng vị trí cột được chọn.
- Có thể chèn đồng thời nhiều hàng hay nhiều cột.

- 10.** Nhấn tổ hợp phím nào sau đây sẽ cho phép mở bảng chọn thông số in?

A. **Ctrl + A**. B. **Ctrl + B**. C. **Ctrl + P**. D. **Ctrl + C**.

III. THỰC HÀNH

- 11.** Mở tệp **Bang_cham_so_ca_truc.xlsx** được lưu trong *Bài 8*, thực hiện các yêu cầu sau:

A	B	C	D	E	F	G
1 BANG CHẤM SỐ CA TRỰC CỦA TỔ BẢO VỆ TRƯỜNG						
2						
3 STT	Họ và tên	Ngày sinh	Ca sáng	Ca chiều	Ca đêm	Tổng số ca
4 1 Ngô Ngọc Ánh		25/05/65	9	10	8	
5 2 Trần Văn Ba		12/09/75	8	7	9	
6 3 Bùi Văn Đứ		06/10/68	9	8	9	
7 4 Ngô Văn Đức		18/03/80	10	8	8	
8 5 Trần Đình Hùng		13/07/78	8	10	8	
9 6 Vũ Ngọc Việt		19/07/84	8	9	10	

Hình 5a. Bảng tính ban đầu

A	B	C	D	E	F	G	H
1 BẢNG TÍNH LƯƠNG THEO CA TRỰC							
2							
3 STT	Họ và tên	Ca trực		Phụ cấp	Tổng số ca	Thực lĩnh	
4	Sáng	Chiều	Đêm				
5 1 Ngô Ngọc Ánh	9	10	8	150000			
6 2 Bùi Văn Đứ	9	8	9	100000			
7 3 Ngô Văn Đức	10	8	8	200000			
8 4 Trần Đình Hùng	8	10	8	130000			
9 5 Nguyễn Gia Khánh	7	9	9	180000			
10 6 Vũ Ngọc Việt	8	9	10	140000			

Hình 5b. Bảng tính sau khi chỉnh sửa

- Thực hiện xoá cột *Ngày sinh* khỏi bảng tính.
- Chèn thêm hàng trống phía trên hàng 9, nhập thông tin cho nhân viên mới: *Họ tên*: Nguyễn Gia Khánh, *Ca sáng*: 7, *Ca chiều*: 9, *Ca đêm*: 9.
- Thực hiện xoá hàng 5 chứa thông tin của nhân viên Trần Văn Ba khỏi bảng tính.
- Thực hiện chèn thêm cột *Phụ cấp* vào bên trái cột *Tổng số ca*.
- Chèn thêm hàng trống phía dưới hàng 3.
- Thực hiện chỉnh sửa tiêu đề bảng tính và nhập dữ liệu cho cột *Phụ cấp*, đánh lại số thứ tự để có bảng tính tương tự *Hình 5b*.

- g) Lập công thức tính *Tổng số ca* của người đầu tiên tại ô tính G5, sao chép công thức tính *Tổng số ca* của người đầu tiên để tính *Tổng số ca* của những người còn lại.
- h) Lập công thức tính *Thực lĩnh* của người đầu tiên tại ô tính H5, sao chép công thức tính *Thực lĩnh* của người đầu tiên để tính *Thực lĩnh* của những người còn lại.

Biết rằng, *Thực lĩnh = Tổng số ca × 350 000 + Phụ cấp*.

- i) Thực hiện định dạng để có trang tính tương tự như *Hình 6*.

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	BẢNG TÍNH LƯƠNG THEO CA TRỰC							
3	STT	Họ và Tên	Ca trực			Phụ cấp	Tổng số ca	Thực lĩnh
4			Sáng	Chiều	Đêm			
5	1	Ngô Ngọc Ánh	9	10	8	150,000	27	9,600,000
6	2	Bùi Văn Du	9	8	9	100,000	26	9,200,000
7	3	Ngô Văn Đức	10	8	8	200,000	26	9,300,000
8	4	Trần Định Hưng	8	10	8	130,000	26	9,230,000
9	5	Nguyễn Gia Khánh	7	9	9	180,000	25	8,930,000
10	6	Vũ Ngọc Việt	8	9	10	140,000	27	9,590,000

Hình 6. Trang tính đã được định dạng

12. Khởi động MS Excel và thực hiện các yêu cầu sau:

- a) Nhập dữ liệu và định dạng để có trang tính tương tự như *Hình 7*.
- b) Lưu lại bảng tính với tên *Du_an_trong_hoa.xlsx* và thoát khỏi MS Excel.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	
1	DỰ ÁN TRỒNG HOA KHU VỰC SÂN TRƯỞNG CỦA LỚP EM												
2	(Đơn vị tính: cây hoa)												
3	Sđt	Tổ	Họ và tên	Hoa hồng		Hoa cúc		Hoa đồng tiền		Hoa mười giờ		Tổng cộng	
4	Đỗ	Trắng	Vạn tho	Thạch thảo	Kép	Đơn	Tim	Hồng					
5	1	Tổ 1	Trần Khánh An	2		3		2		10			
6	2		Nguyễn Bảo Anh	2		3	7	2					
7	3		Vũ Danh Bảo	4	3			4		5			
8	4		Trần Bảo Châu	1			2		2				
9	5		Đỗ Hạnh Dung	2	6	3	9	8		8	10		
10	6	Tổ 2	Nguyễn Thùy Dương	4		1		3			2		
11	7		Bùi Tiến Đạt		2		6	3	5	12			
12	8		Nguyễn Minh Đức	2		4					5		
13	9		Nguyễn Hương Giang			5				3			
14	10		Trần Khánh Hà		4			8	8				
15	11	Tổ 3	Nguyễn Thanh Hải	3		6		7	8		9		
16	12		Đỗ Mạnh Hưng		8			5		9			
17	13		Bùi Phúc Khang	2		5					13		
18	14		Phạm Thành Lam		7			6	5	15			
19	15		Trần Gia Linh			3				6			
20	16	Tổ 4	Nguyễn Hưng Long			2		5		20			
21	17		Bùi Quang Minh		1				6	7			
22	18		Nguyễn Đăng Nguyên	1			5	2		16			
23	19		Nguyễn Thu Thủy			10				8			
24	20		Đỗ Thị Minh Trang		1		4	9	6		10		
25	<i>Tổng cộng mỗi loại:</i>												
26	<i>Trung bình:</i>												
27	<i>Cao nhất:</i>												
28	<i>Thấp nhất:</i>												
29	<i>Số bạn đã quyên góp:</i>												

Hình 7. Trang tính dự án trồng hoa

SỬ DỤNG HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

Cách viết hàm: = <tên hàm>(<các tham số của hàm>)

Một số hàm đơn giản:

- Hàm SUM: Tính tổng.
- Hàm AVERAGE: Tính trung bình cộng.
- Hàm MAX: Tìm giá trị lớn nhất.
- Hàm MIN: Tìm giá trị nhỏ nhất.
- Hàm COUNT: Đếm giá trị số

Tham số của hàm có thể là:

- Dữ liệu cụ thể.
 - Địa chỉ ô tính.
 - Địa chỉ khối ô tính.
- Các tham số của hàm thường cách nhau bởi dấu phẩy (,).

Bảng 1. Hàm số trong bảng tính

- Thực hiện sao chép hàm tương tự như sao chép công thức.
- Các hàm SUM, AVERAGE, MAX, MIN, COUNT chỉ tính toán trên các ô tính chứa dữ liệu kiểu số, bỏ qua các ô tính chứa dữ liệu kiểu chữ, ô tính trống. Đặc điểm này giúp cho kết quả tính toán bởi hàm luôn đúng khi cập nhật dữ liệu vào các ô tính, khối ô tính (là tham số của hàm).

II. BÀI TẬP

1. Phát biểu nào dưới đây là sai về sử dụng hàm trong bảng tính?

- A. Nhờ các hàm số mà việc tính toán, xử lý dữ liệu được thực hiện đơn giản và thuận tiện hơn.
- B. Hàm là công thức được viết sẵn để tính toán, xử lý dữ liệu theo quy tắc nhất định.
- C. Mỗi hàm số được đặt tên riêng và thể hiện ý nghĩa của hàm.
- D. Tên hàm phân biệt chữ hoa và chữ thường.

2. Phát biểu nào dưới đây không đúng?

- A. Tham số của hàm chỉ có thể là địa chỉ ô tính hay địa chỉ khối ô tính.
- B. Tham số của hàm có thể là các địa chỉ ô tính.
- C. Tham số của hàm có thể là các địa chỉ khối ô tính.
- D. Tham số của hàm có thể là các dữ liệu cụ thể.

3. Hãy sắp xếp các bước theo thứ tự đúng để nhập hàm trực tiếp vào ô tính.

- (a) Gõ dấu =.
- (b) Gõ phím Enter.

(c) Chọn ô tính cần nhập hàm.

(d) Nhập tên hàm, các tham số của hàm (đặt trong cặp ngoặc tròn).

Thứ tự đúng:

4. Trong các cách viết hàm dưới đây, cách viết nào là sai?

- A. `=SUM(2,5,7)`.
- B. `=Sum(A3,C3:F3)`.
- C. `=SuM(10,15,b2:B10)`.
- D. `=sum“D2:D8”`.

5. Hãy điền vào chỗ chấm tính năng của mỗi hàm trong bảng dưới đây.

Tên hàm	Tính năng của hàm
SUM
AVERAGE
MAX
MIN
COUNT

6. Phát biểu nào dưới đây đúng nhất?

- A. Chỉ có thể sao chép hàm bằng cách sử dụng các lệnh **Copy, Paste**.
- B. Chỉ có thể sao chép hàm bằng cách sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).
- C. Có thể sao chép hàm bằng cách sử dụng các lệnh **Copy, Paste** hoặc chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).
- D. Không phải hàm nào cũng có thể sao chép được.

7. Câu nào không đúng khi nói về đặc điểm của các hàm **SUM, AVERAGE, MAX, MIN, COUNT**?

- A. Chỉ tính toán trên các ô tính chứa dữ liệu kiểu số.
- B. Bỏ qua các ô tính chứa dữ liệu kiểu chữ.
- C. Bỏ qua các ô tính trống.
- D. Tính toán trên tất cả các ô tính chứa dữ liệu kiểu chữ hay ô tính trống.

8. Câu nào dưới đây sai?

- A. Ô tính chứa dữ liệu kiểu ngày được coi là ô tính chứa dữ liệu kí tự.
- B. Ô tính chứa dữ liệu kiểu ngày được coi là ô tính chứa dữ liệu kiểu số.

- C. Ô tính chứa dữ liệu kiểu ngày được coi là ô tính chứa dữ liệu tiền tệ.
D. Ô tính chứa dữ liệu kiểu ngày được coi là ô tính trống.

9. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Ta có thể nhập hàm vào ô tính thông qua vùng nhập liệu hoặc trực tiếp tại ô tính.
B. Có thể sao chép hàm bằng lệnh **Copy, Paste** hoặc sử dụng tính năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).
C. Các công thức có sử dụng địa chỉ ô tính chỉ tính toán trên các ô dữ liệu số, bỏ qua các ô tính có dữ liệu chữ, ô tính trống.
D. Các tham số của hàm thường cách nhau bởi dấu phẩy (,), tham số có thể là dữ liệu cụ thể, địa chỉ ô tính, địa chỉ khối ô tính.

III. THỰC HÀNH

10. Khởi động MS Excel và mở bảng tính có tên **Du_an_trong_hoa.xlsx**, đã được lưu ở Bài 9 và thực hiện cập nhật dữ liệu bằng các cụm từ mô tả thông tin vào các ô trống để có bảng tính tự như **Hình 1**:

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1												
2												
3	Sđt	Tđ	Họ và tên		Hoa hồng	Hoa cúc	Hoa đồng tiền	Hoa mười giờ				
4				Đỏ	Trắng	Vạn thọ	Thạch thảo	Kép	Đơn	Tím	Hồng	Tổng cộng
5	1		Trần Khánh An		2		3		2		10	17
6	2		Nguyễn Bảo Anh	2		3	7	2				14
7	3	Tđ 1	Vũ Danh Bảo		4	3		4		5		16
8	4		Trần Bảo Châu	1		Chưa chốt	2		2			5
9	5		Đỗ Hạnh Dung	2	6	3	9	8		8	10	46
10	6		Nguyễn Thúy Dương	4		1		3			2	10
11	7		Bùi Tiến Đạt		2		6	3	5	12		28
12	8	Tđ 2	Nguyễn Minh Đức	2		4				Chưa chốt	15	21
13	9		Nguyễn Hương Giang				5			3		8
14	10		Trần Khánh Hà		4		Chưa chốt	8	8			20
15	11		Nguyễn Thành Hải	3		6		7	8		9	33
16	12		Đỗ Mạnh Hưng		8			5			9	22
17	13	Tđ 3	Bùi Phúc Khang	2		5					13	20
18	14		Phạm Thành Lam		7			6	5	15		33
19	15		Trần Gia Linh				3			6		9
20	16		Nguyễn Hưng Long		2			5			20	27
21	17	Tđ 4	Bùi Quang Minh		1				6	7		14
22	18		Nguyễn Đăng Nguyên	1				5	2		16	24
23	19		Nguyễn Thu Thủy				10			8		18
24	20		Đỗ Thị Minh Trang		1			4	9	6	10	30
25			Tổng cộng mỗi loại:	17	35	27	54	62	42	73	105	415
26			Trung bình:	2.125	3.888889	3.375	5.4	5.166667	5.25	8.1111111	11.666667	20.75
27			Cao nhất:	4	8	6	10	9	8	15	20	46
28			Thấp nhất:	1	1	1	2	2	2	3	2	5
29			Số bạn đã quyên góp:	8	9	8	10	12	8	9	9	20

Hình 1. Bảng tính sau khi cập nhật thông tin mô tả

- a) Lựa chọn hàm phù hợp và nhập hàm vào ô tính **L5** để tính **Tổng cộng** của bạn đầu tiên (Trần Khánh An) và thực hiện sao chép hàm để tính **Tổng cộng** cho các bạn còn lại. Viết hàm em đã nhập vào ô tính **L5**.

- b) Lựa chọn hàm phù hợp và nhập hàm vào các ô tính D25, D26, D27, D28, D29 để tính *Tổng cộng mỗi loại*, *Trung bình*, *Cao nhất*, *Thấp nhất*, *Số bạn đã quyên góp* cho cột Hoa hồng đỏ. Thực hiện sao chép hàm để tính cho các cột của các loại hoa còn lại. Viết hàm em đã nhập vào các ô tính D25, D26, D27, D28, D29.
- c) Thực hiện cập nhật thông tin dự án, quan sát và cho biết kết quả của hàm ở những ô tính nào thay đổi trong trường hợp nào sau đây:
- Thay dữ liệu chữ “Chưa chốt” trong ô tính F8 bằng số 10.
 - Thay dữ liệu số trong ô tính H14 bằng dữ liệu chữ “Tuần sau có”.
 - Sửa dữ liệu trong ô tính K12 thành 15.
11. Khởi động MS Excel, thực hiện nhập dữ liệu cho trang tính để có bảng tính tương tự *Hình 2*.

	A	B	C	D	E	F
1		BẢNG LƯƠNG THÁNG CỦA TỔ SẢN XUẤT				
2	Stt	Họ và tên	Lương cứng	Lương mềm	Thêm giờ	Thực lĩnh
3	1	Bùi Phương Bích	4950000	7425000	1920000	
4	2	Nguyễn Phương Chi	5300000	6890000	3200000	
5	3	Trần Minh Đức	6150000	9840000		
6	4	Vũ Khánh Hà	4750000	7600000	2240000	
7	5	Đặng Gia Huy	5300000	7950000	1600000	
8	6	Ngô Thanh Hương	4950000	7425000	2560000	
9	7	Phạm Trí Khang	4750000	5700000		
10	8	Bùi Gia Khánh	5300000	7950000	1600000	
11	9	Vũ Ngân Khánh	6150000	7995000	2880000	
12	10	Phạm Nguyên Khôi	4750000	7125000		
13	11	Nguyễn Minh Khuê	5300000	7420000	1280000	
14	12	Bùi Văn Lâm	4950000	7425000	2240000	
15		Tổng cộng:				
16		Trung bình:				
17		Cao nhất:				
18		Thấp nhất:				
19		Số người làm thêm giờ:				

Hình 2. Bảng tính ban đầu

Thực hiện các công việc sau:

- a) Sử dụng hàm thích hợp để tính *Thực lĩnh* cho người đầu tiên. Sao chép hàm để tính *Thực lĩnh* cho những người còn lại và viết hàm em đã lập để tính *Thực lĩnh* cho người đầu tiên.

- b) Sử dụng hàm thích hợp để nhập vào các ô tính C15, C16, C17, C18 để tính *Tổng cộng*, *Trung bình*, *Cao nhất*, *Thấp nhất* của cột *Lương cứng*. Thực hiện sao chép hàm để tính cho các cột *Lương mềm*, *Thêm giờ* và *Thực lĩnh*. Viết hàm em đã nhập vào các ô tính C15, C16, C17, C18.
- c) Sử dụng hàm thích hợp để nhập vào ô tính E19 để đếm *Số người làm thêm giờ*. Viết ra hàm em đã nhập.
- d) Định dạng bảng tính, chọn khuôn dạng trình bày dữ liệu và căn chỉnh dữ liệu để có bảng tính tương tự *Hình 3*.

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG LƯƠNG THÁNG CỦA TỔ SẢN XUẤT					
2	Sđt	Họ và tên	Lương cứng	Lương mềm	Thêm giờ	Thực lĩnh
3	1	Bùi Phương Bích	4,950,000	7,425,000	1,920,000	14,295,000
4	2	Nguyễn Phượng Chi	5,300,000	6,890,000	3,200,000	15,390,000
5	3	Trần Minh Đức	6,150,000	9,840,000		15,990,000
6	4	Vũ Khánh Hà	4,750,000	7,600,000	2,240,000	14,590,000
7	5	Đặng Gia Huy	5,300,000	7,950,000	1,600,000	14,850,000
8	6	Ngô Thanh Hương	4,950,000	7,425,000	2,560,000	14,935,000
9	7	Phạm Trí Khang	4,750,000	5,700,000		10,450,000
10	8	Bùi Gia Khánh	5,300,000	7,950,000	1,600,000	14,850,000
11	9	Vũ Ngân Khánh	6,150,000	7,995,000	2,880,000	17,025,000
12	10	Phạm Nguyên Khôi	4,750,000	7,125,000		11,875,000
13	11	Nguyễn Minh Khuê	5,300,000	7,420,000	1,280,000	14,000,000
14	12	Bùi Văn Lâm	4,950,000	7,425,000	2,240,000	14,615,000
15	<i>Tổng cộng:</i>		62,600,000	90,745,000	19,520,000	172,865,000
16	<i>Trung bình:</i>		5,216,667	7,562,083	2,168,889	14,405,417
17	<i>Cao nhất:</i>		6,150,000	9,840,000	3,200,000	17,025,000
18	<i>Thấp nhất:</i>		4,750,000	5,700,000	1,280,000	10,450,000
19	<i>Số người làm thêm giờ:</i>				9	

Hình 3. Bảng tính sau khi tính toán và định dạng

TAO BÀI TRÌNH CHIẾU

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

Gồm có trang tiêu đề và các trang nội dung.

1. Bài trình chiếu

Sử dụng cấu trúc phân cấp giúp nội dung trình bày được truyền tải một cách rõ ràng, mạch lạc.

Tạo bài trình chiếu

2. Sao chép dữ liệu từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.

- Chọn nội dung văn bản cần sao chép ở cửa sổ tệp văn bản đang mở, sau đó thực hiện lệnh **Copy**.
- Tại cửa sổ phần mềm trình chiếu, nháy chuột vào nơi muốn văn bản xuất hiện, sau đó thực hiện lệnh **Paste**.

3. Sử dụng các định dạng văn bản hợp lí cho trang trình chiếu

Chọn phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ dễ đọc, rõ ràng, làm nổi bật thông tin chính.

Không nên dùng quá nhiều phông chữ, kiểu chữ, màu chữ, cỡ chữ.

II. BÀI TẬP

1. Phần mở rộng mặc định của tệp trình chiếu được tạo bằng MS PowerPoint 2016 là:

- A. *.docx. B. *.pptx. C. *.xlsx. D. *.ppt.

2. Đánh dấu (✓) để chỉ ra những việc nên làm, không nên làm trong bảng dưới đây.

Việc	Nên làm	Không nên làm
a) Trong bài trình chiếu cần có trang tiêu đề.		
b) Trang giới thiệu tổng quan ghi chi tiết, đầy đủ các nội dung.		

c) Trang tiêu đề thường giới thiệu về chủ đề bài trình chiếu, tên tác giả, ngày trình bày, địa điểm trình bày, ...		
d) Sử dụng cấu trúc phân cấp trong bài trình chiếu giúp người xem dễ dàng hiểu được bố cục nội dung, logic trình bày.		
e) Trong trang trình chiếu nên sử dụng thật nhiều phông chữ, kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ để thu hút sự chú ý của người xem.		

3. Trong dải lệnh **Home**, nhóm lệnh nào gồm các lệnh dùng để tạo cấu trúc phân cấp trong bài trình chiếu?

- A. **Style**. B. **Font**. C. **Paragraph**. D. **Editing**.

4. Nút lệnh nào sau đây dùng để thay đổi kí hiệu đầu mục phân cấp?

- A. . B. . C. . D. .

5. Ghép mỗi tác dụng của lệnh ở cột bên trái với mỗi nút lệnh tương ứng ở cột bên phải phù hợp.

Tác dụng của lệnh	Nút lệnh
1) Tăng mức phân cấp.	a)
2) Giảm mức phân cấp.	b)
3) Căn thẳng lề trái nội dung văn bản.	c)
4) Căn thẳng lề phải nội dung văn bản.	d)

6. Sắp xếp các thao tác dưới đây theo thứ tự đúng để thay đổi kí hiệu đầu mục phân cấp.

- (a) Chọn dải lệnh **Home**.
 (b) Nháy chọn dạng kí hiệu mong muốn.
 (c) Chọn mục hoặc các mục cần thay đổi kí hiệu đầu mục.
 (d) Nháy chọn mũi tên ở góc dưới bên phải lệnh **Bullets** hoặc **Numbering** trong nhóm **Paragraph**.

Thứ tự đúng:

7. Điền cụm từ thích hợp: *hình ảnh, tiêu đề, mẫu bố trí* vào chỗ chấm trong các phát biểu dưới đây để có các phát biểu đúng.
- Trang là trang đầu tiên, giới thiệu về chủ đề của bài trình chiếu.
 - Có thể áp dụng cho trang trình chiếu đã có nội dung mà không cần nhập lại.
 - Nội dung một trang trình chiếu có thể gồm văn bản,, biểu đồ, video.
8. Ghép mẫu trang trình chiếu ở cột bên trái với mô tả thích hợp ở cột bên phải.

Mẫu trang trình chiếu	Mô tả
1) 	a) Tiêu đề và hai cột nội dung.
2) 	b) Tiêu đề và hai cột nội dung để so sánh.
3) 	c) Tiêu đề và nội dung. (có thể là văn bản và hình ảnh)
4) 	d) Tiêu đề bài trình chiếu.
5) 	e) Nội dung và chú thích.

9. Để định dạng dòng chữ tiêu đề “CÁC THÀNH PHẦN CỦA MÁY TÍNH” có kiểu chữ đậm và nghiêng, các thao tác phải thực hiện là:

- A. Đưa con trỏ văn bản vào giữa dòng đó, nhấn tổ hợp phím **Ctrl + B** và **Ctrl + I**.
- B. Chọn dòng chữ đó, nhấn tổ hợp phím **Ctrl + U** và **Ctrl + I**.
- C. Chọn dòng chữ đó, nhấn tổ hợp phím **Ctrl + B** và **Ctrl + I**.
- D. Nhấn tổ hợp phím **Ctrl + B** và **Ctrl + I**.

III. THỰC HÀNH

10. Hãy khởi động phần mềm trình chiếu MS PowerPoint và tạo bài trình chiếu từ vựng tiếng Anh theo chủ đề.

- a) Trang tiêu đề có tiêu đề “TỪ VỰNG TIẾNG ANH”, phụ đề có nội dung họ tên, lớp em và tên trường của em đang học.
- b) Trang tổng quan giới thiệu ba chủ đề: thể thao, dụng cụ âm nhạc, các loài hoa.

Các môn thể thao	Các dụng cụ âm nhạc	Các loài hoa
play soccer: chơi bóng đá; play basketball: chơi bóng rổ; do exercise: tập thể dục; practice martial arts: tập võ; go swimming: đi bơi; go surfing: đi lướt sóng.	guitar: đàn ghi ta; piano: đàn dương cầm; drums: trống.	hoa cúc: daisy; hoa hồng: rose; hoa phong lan: orchid.

- c) Tạo cấu trúc phân cấp cho bài trình chiếu.
- d) Thay đổi định dạng chữ nghiêng, màu chữ xanh đậm, thay đổi kí hiệu đầu mục phân cấp của 3 chủ đề từ kí hiệu ➤ sang kí hiệu ♦.

CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ II

1. Trong phần mềm bảng tính, tham số của công thức có thể là:
 - A. Địa chỉ ô tính.
 - B. Địa chỉ khối ô tính.
 - C. Dữ liệu cụ thể.
 - D. Cả ba phương án A, B và C.
2. Trong một ô tính có chứa số 127.3456, khi nháy chuột chọn biểu tượng thì kết quả trong ô tính là:
 - A. 127.3456.
 - B. 127.345.
 - C. 127.346.
 - D. 127.
3. Phát biểu nào sau đây là sai?
 - A. Khi sao chép công thức thì vị trí tương đối giữa các ô tính trong công thức và ô tính chứa công thức không thay đổi.
 - B. Có thể sử dụng lệnh **Copy**, **Paste** để sao chép công thức khi ô tính (hoặc khối ô tính) muốn sao chép đến liền kề hoặc không liền kề với ô tính chứa công thức.
 - C. Có thể sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu khi ô tính (hoặc khối ô tính) muốn sao chép công thức đến không liền kề với ô tính chứa công thức.
 - D. Khi sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức, nếu dữ liệu trong các ô tính này thay đổi thì phần mềm bảng tính sẽ tự động tính toán lại.
4. Trong phần mềm MS Excel với một bảng tính đang được mở, kết quả khi gõ tổ hợp **Ctrl + P** là:
 - A. Mở một trang tính mới.
 - B. Lưu trang tính đang mở dưới dạng một tên khác.
 - C. Mở cửa sổ để lựa chọn các tham số in trang tính.
 - D. Mở cửa sổ cho phép tìm kiếm thông tin trên trang tính.
5. Phát biểu nào sau đây là đúng?
 - A. Phần mềm bảng tính cho phép lựa chọn in trang tính hiện thời, vùng dữ liệu đang được chọn hoặc toàn bộ bảng tính.
 - B. Phần mềm bảng tính chỉ cho phép lựa chọn in trang tính hiện thời.
 - C. Phần mềm bảng tính không cho phép lựa chọn và in một vùng dữ liệu trên trang tính.
 - D. Phần mềm bảng tính chỉ cho phép in toàn bộ trang tính.

6. Giả sử tại các ô tính A1, A2, A3, A4, A5 ta gõ các giá trị là các số nguyên như *Hình 1*. Tại ô tính A6, khi phải sử dụng địa chỉ khối ô tính, công thức nào dưới đây cho phép tính đúng tổng các giá trị trong các ô tính này?

	A	B
1	34	
2	45	
3	432	
4	23	
5	111	
6		

Hình 1

7. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Trong MS Excel, công thức phải bắt đầu bởi dấu bằng (=).
 - B. Trình tự thực hiện các phép toán trong phần mềm bảng tính tuân thủ đúng theo quy tắc Toán học.
 - C. Có thể nhập công thức trực tiếp vào ô tính hoặc thông qua vùng nhập dữ liệu.
 - D. Sau khi nhập xong, công thức được hiển thị tại ô tính.
8. Khi nhập công thức =SUM(10,20,0,30,0)/3 vào ô tính bất kì có định dạng mặc định, kết quả nhận được sẽ là:
- A. 60.
 - B. 20.0.
 - C. 20.
 - D. #VALUE!.
9. Trong *Hình 2* khi sao chép công thức ô tính C2 đến ô tính F6 thì tại ô tính F6 sẽ thu được công thức nào?

A	B	C	D	E	F
1	Số thứ nhất	Số thứ hai	Kết quả		
2	12	53	=A2*B2/5		
3	34	765			
4	56	58			
5	14	90			
6	561	345			

Hình 2

- A. D6*E6/5.
 - B. A6*B6/5.
 - C. D2*E2/5.
 - D. A2*B2/5.
10. Các ô tính B2, C2, D2, E2 nhận các giá trị lần lượt là: 123; 55; “Tin học”; “Toán học”. Tại ô tính F2 ta gõ công thức =count(B2:E2), kết quả nhận được sẽ là:
- A. 4.
 - B. 2.
 - C. #VALUE!.
 - D. #NAME?.

11. Cho bảng tính như *Hình 3*.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	BÀNG ĐIỂM TÍNH THI ĐUA HÀNG TUẦN CỦA KHỐI 7								
2	STT	Lớp	Chào cờ Hệ số 1	Đồng phục Hệ số 1	Vệ sinh lớp học Hệ số 1	Lao động Hệ số 1	Số ghi đầu bài Hệ số 2	Tổng điểm	Điểm trung bình
3	1	7A1	10	10	9.5	10	9.8		
4	2	7A2	10	10	10	10	9.65		
5	3	7A3	9.5	10	9	10	9.1		
6	4	7A4	9	8	10	10	8.9		
7							Điểm trung bình cao nhất		
8							Điểm trung bình thấp nhất		

Hình 3

– Địa chỉ của khối ô tính đang được chọn là:

– Nếu sử dụng chức năng gộp ô tính và căn giữa (Merge & Center), dữ liệu trong ô tính kết quả sẽ là:

12. Sắp xếp các thao tác dưới đây theo thứ tự đúng để sao chép công thức.

- Nhấn nút lệnh **Copy** trên dải lệnh **Home** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + C**.
- Chọn ô tính chứa công thức cần được sao chép.
- Chọn nút lệnh **Paste** trên dải lệnh **Home** hoặc nhấn tổ hợp phím **Ctrl + V**.
- Đưa con trỏ chuột đến vị trí ô tính cần sao chép.

Thứ tự đúng:

13. Trong bảng tính MS Excel ở *Hình 4*, khi sao chép công thức ở ô tính **A5** sang các ô tính **B5, C5, D5, E5**, công thức tại ô tính **E5** sẽ là:.....

	A	B	C	D	E
1					
2					
3					
4					
5	= $(A2+A3*2+A4*3)/6$				

Hình 4

14. Em hãy ghép mỗi mục ở cột A với một mục ở cột B cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1) Để chèn thêm hàng (cột) mới, thực hiện chọn hàng (cột) tại vị trí cần thêm rồi chọn:	a) Home>Cells>Delete.
2) Để xoá một hàng (cột), thực hiện chọn hàng (cột) cần xoá, rồi chọn:	b) Gõ phím Delete trên bàn phím.
3) Để xoá dữ liệu trong một hàng hoặc một cột, ta chọn hàng/cột cần xóa rồi:	c) Home>Alignment>Merge & Center.
4) Để thực hiện lệnh gộp ô tính và căn giữa, ta chọn các ô tính cần gộp rồi chọn:	d) Home>Alignment>Wrap text.
5) Để thiết lập xuống dòng khi dữ liệu tràn ô tính, ta chọn:	e) Home>Cells>Insert.

15. Các ô tính A1, A2, A3, A4, A5 chứa các số nguyên như *Hình 5*. Em hãy viết hàm, công thức cần gõ vào ô tính A6 để tính trung bình cộng các giá trị trong các ô tính này:

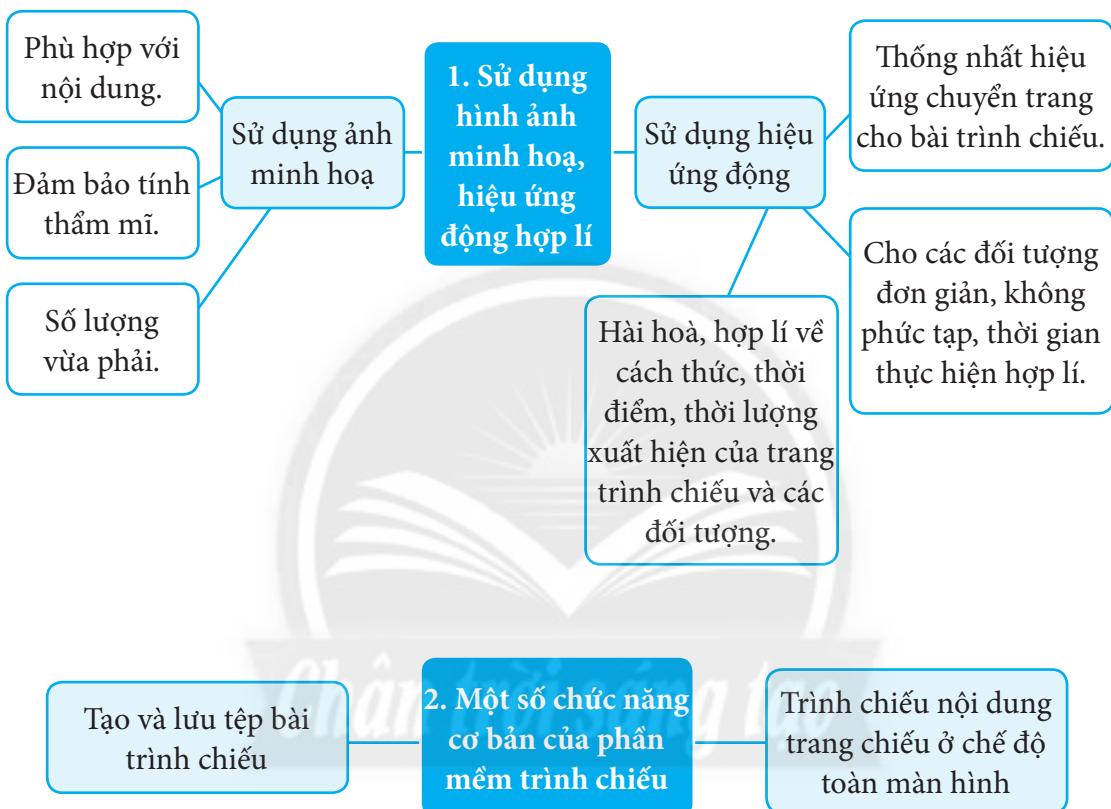
.....

	A	B
1	34	
2	45	
3	432	
4	23	
5	111	
6		

Hình 5

SỬ DỤNG ẢNH MINH HOẠ, HIỆU ỨNG ĐỘNG TRONG BÀI TRÌNH CHIẾU

I. TÓM TẮT BÀI HỌC



II. BÀI TẬP

1. Sắp xếp các thao tác sau theo thứ tự đúng để đưa hình ảnh vào trang trình chiếu.
 - (a) Chọn thư mục lưu tệp hình ảnh.
 - (b) Chọn trang trình chiếu cần chèn hình ảnh vào.
 - (c) Chọn dải lệnh **Insert>Picture>From File**.
 - (d) Chọn tệp hình ảnh cần thiết và nháy chọn **Insert**.

A. (c) – (b) – (a) – (d).

B. (b) – (d) – (a) – (c).

- C. (b) – (c) – (a) – (d)
D. (c) – (a) – (b) – (d)
2. Khi đang ở chế độ soạn thảo, để trình chiếu từ trang đầu, ta gõ phím nào sau đây trên bàn phím?
- A. **Enter**. B. **F5**. C. **F2**. D. **Tab**.
3. Cho các thao tác sau:
- ① Chọn trang trình chiếu.
② Chọn **Transitions>Transition to This Slide>Split**.
- Các thao tác này sẽ thực hiện:
- A. tạo hiệu ứng động cho một đối tượng trong trang trình chiếu.
B. tạo hiệu ứng chuyển trang cho trang trình chiếu trong bài trình chiếu.
C. đưa hình ảnh hoặc âm thanh vào bài trình chiếu.
D. định dạng cách bố trí các khối văn bản, hình ảnh, đồ thị, ... trên một trang trình chiếu.
4. Trong các câu dưới đây, những câu nào đúng?
- A. Có thể áp dụng đồng thời nhiều kiểu hiệu ứng chuyển trang cho một trang trình chiếu.
B. Có thể áp dụng đồng thời nhiều kiểu hiệu ứng động cho một đối tượng trên trang trình chiếu.
C. Tại mỗi thời điểm chỉ có thể áp dụng một kiểu hiệu ứng chuyển trang cho một trang trình chiếu.
D. Tại mỗi thời điểm chỉ có thể áp dụng một kiểu hiệu ứng động cho một đối tượng trong trang trình chiếu.
5. Những điều nào sau đây là đúng khi trình bày trang trình chiếu?
- A. Sử dụng kích thước chữ đủ lớn.
B. Sử dụng hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung.
C. Sử dụng càng nhiều chữ càng tốt.
D. Màu chữ và màu nền có sự tương phản.
6. Đâu là những chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu?
- A. Thêm hình ảnh minh họa vào trang trình chiếu.
B. Tạo các bài trình chiếu.
C. Cung cấp công cụ tạo cấu trúc phân cấp để dễ dàng thể hiện nội dung từ khái quát đến chi tiết.

- D. Trình chiếu nội dung của trang trên toàn màn hình.
- E. Lưu tệp bài trình chiếu.
- G. Sắp xếp, bố trí các đối tượng trên trang trình chiếu
- H. Tạo hiệu ứng động cho các trang trình chiếu và các đối tượng trên trang trình chiếu để hiển thị nội dung lên màn hình một cách sinh động.
- I. Cung cấp thư viện các mẫu trình bày đa dạng.
- 7.** Khi đang ở chế độ trình chiếu toàn màn hình, gõ phím nào trên bàn phím để chuyển sang chế độ soạn thảo?
- A. Home. B. Tab. C. Esc. D. End.
- 8.** Hiệu ứng chuyển trang trình chiếu là:
- A. trật tự xuất hiện của các hình ảnh được chèn vào các trang trình chiếu.
- B. cách thức và thời điểm xuất hiện của trang trình chiếu.
- C. cách xuất hiện tiêu đề của các trang trình chiếu
- D. cách xuất hiện phần nội dung của trang trình chiếu.
- 9.** Đánh dấu (✓) để chỉ ra những việc nên làm, không nên làm trong bảng dưới đây.

Việc	Nên làm	Không nên làm
a) Sử dụng thật nhiều hiệu ứng động trong bài trình chiếu.		
b) Cần sử dụng hiệu ứng động một cách có chọn lọc để tăng tính hiệu quả cho nội dung và tạo ấn tượng người xem.		
c) Nên sử dụng thống nhất hiệu ứng chuyển trang trong một bài trình chiếu.		
d) Sử dụng càng nhiều hình ảnh minh họa trong bài trình chiếu càng tốt.		
e) Các trang trình chiếu sử dụng màu nền khác nhau làm cho bài trình chiếu phong phú, hấp dẫn người xem.		

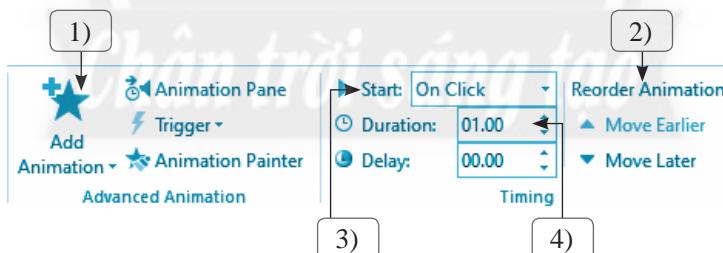
10. Ghép thao tác tạo hiệu ứng đổi tượng cột bên trái với mô tả tương ứng ở cột bên phải phù hợp.

Thao tác	Mô tả
1) ① Nháy chọn đổi tượng. ② Animations>Add Effect>More Entrance Effects.	a) Thiết lập hiệu ứng nhấn mạnh đổi tượng.
2) ① Nháy chọn đổi tượng. ② Animations>Add Effect>More Emphasis Effects.	b) Thiết lập hiệu ứng di chuyển đổi tượng.
3) ① Nháy chọn đổi tượng. ② Animations>Add Effect>More Exit Effects.	c) Thiết lập hiệu ứng xuất hiện đổi tượng.
4) ① Nháy chọn đổi tượng. ② Animations>Add Effect>More Motion Paths.	d) Thiết lập hiệu ứng biến mất đổi tượng.

11. Để bỏ hiệu ứng động cho các đổi tượng trên trang trình chiếu, ta thực hiện các thao tác:

- ① Chọn các đổi tượng,
② Animations>Animation>?.
A. Fly In. B. Wipe. C. Appear. D. None.

12. Hãy ghép mỗi số đánh dấu các tuỳ chọn trên hình với một phát biểu tương ứng dưới đây để có giải thích đúng về tác dụng của tuỳ chọn hiệu ứng động cho các đổi tượng.



Tuỳ chọn hiệu ứng động
1)
2)
3)
4)

Tác dụng
a) Chọn thời điểm xuất hiện hiệu ứng
b) Chọn kiểu hiệu ứng động cho các đổi tượng
c) Chọn thời lượng thực hiện hiệu ứng
d) Thay đổi thứ tự xuất hiện các đổi tượng

- 13.** Chỉ ra phát biểu sai.
- Có thể áp dụng hiệu ứng chuyển trang cho một trang trình chiếu bất kì trong bài trình chiếu.
 - Có thể áp dụng hiệu ứng chuyển trang có tất cả các trang trình chiếu trong bài trình chiếu.
 - Có thể tạo hiệu ứng động để từng từ của đoạn văn bản xuất hiện khi trình chiếu.
 - Một đối tượng đã được tạo hiệu ứng động thì không thể thay đổi kiểu hiệu ứng cho đối tượng đó.

- 14.** Ghép mỗi tuỳ chọn thứ tự xuất hiện của hình ảnh ở cột trái với ý nghĩa ở cột bên phải cho phù hợp.

Tuỳ chọn thứ tự xuất hiện của hình ảnh	Ý nghĩa
1) Bring to Front	a) Đưa hình ảnh lên một lớp.
2) Bring Forward	b) Đưa hình ảnh xuống lớp dưới cùng.
3) Send to Back	c) Đưa hình ảnh xuống một lớp.
4) Send Backward	d) Đưa hình ảnh lên lớp trên cùng

- 15.** Bạn Phương muốn áp dụng hiệu ứng động cho nội dung tiêu đề “TỪ VỰNG TIẾNG ANH” ở trang tiêu đề. Khi mở trang tiêu đề và mở dài lệnh **Animation**, Phương thấy các biểu tượng hiệu ứng động trong nhóm **Animation** bị mờ và không nháy chọn được. Hãy giúp bạn Phương biết lí do và cách khắc phục.

III. THỰC HÀNH

- 16.** Mở bài trình chiếu em đã tạo ở phần thực hành của Bài 11 về chủ đề “TỪ VỰNG TIẾNG ANH” và thực hiện một số thao tác sau để hoàn thiện bài trình chiếu.

- + Đưa hình ảnh minh họa theo các chủ đề.
- + Sắp xếp, bố trí các đối tượng trên trang, nếu cần thay đổi kích thước, vị trí của hình ảnh phù hợp với trang trình chiếu.
- + Tạo hiệu ứng động hợp lý cho các đối tượng trên trang trình chiếu.
- + Thực hiện trình chiếu và hoàn thiện bài trình chiếu.

Chủ đề 5: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

Bài 13

THUẬT TOÁN TÌM KIẾM

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

- Tìm kiếm là việc thường xuyên phải thực hiện trong đời sống thực tiễn.

TÌM MỘT PHẦN TỬ TRONG MỘT DÃY

Thuật toán tìm kiếm tuần tự

Thuật toán tìm kiếm nhị phân

Thuật toán thực hiện so sánh lần lượt từ giá trị của phần tử đầu tiên của dãy với giá trị cần tìm, việc tìm kiếm kết thúc khi tìm thấy hoặc đã duyệt hết các phần tử trong dãy.

Việc tìm kiếm áp dụng trên dãy giá trị đã được sắp xếp theo thứ tự. Thuật toán thực hiện so sánh giá trị của phần tử ở giữa dãy với giá trị cần tìm, tiếp tục tìm kiếm trên một nửa dãy có khoảng giá trị mà giá trị cần tìm thuộc vào đến khi tìm thấy hoặc đã duyệt hết các phần tử trong dãy.

- Dãy sắp xếp theo thứ tự (tăng dần/giảm dần/không giảm/không tăng) giúp việc tìm kiếm nhanh hơn, hiệu quả hơn nhờ sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân.

II. BÀI TẬP

- Hãy ghép mỗi tình huống ở cột bên trái với một cách sắp xếp ở cột bên phải cho phù hợp.

Tình huống	Cách sắp xếp theo thứ tự phù hợp
1) Giáo viên lập danh sách tên học sinh của một lớp.	a) Sắp xếp theo thứ tự thời gian tăng dần.
2) Lớp trưởng lập danh sách các bạn trong lớp đăng ký tham gia cuộc thi văn nghệ.	b) Sắp xếp theo trình tự bảng chữ cái.
3) Ban tổ chức đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games) lập bảng tổng sắp huy chương của các nước tham gia.	c) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên (người già, trẻ em, ...) và thời gian tăng dần.
4) Nhân viên y tế sắp xếp hồ sơ người chờ đến lượt khám sức khỏe.	d) Sắp xếp theo thứ tự số huy chương vàng, bạc, đồng giảm dần.

2. Hãy xác định trong các thao tác dưới đây, thao tác nào là của thuật toán tìm kiếm tuần tự, thao tác nào là của thuật toán tìm kiếm nhị phân bằng cách đánh dấu (\checkmark) vào ô tương ứng.

STT	Thao tác	Thuật toán tìm kiếm	
		tuần tự	nghị phân
1	So sánh giá trị của phần tử ở giữa dãy với giá trị cần tìm.		
2	Nếu kết quả so sánh “bằng” là đúng thì thông báo “tìm thấy”.		
3	Nếu kết quả so sánh “bằng” là sai thì tiếp tục thực hiện so sánh giá trị của phần tử liền sau của dãy với giá trị cần tìm.		
4	Nếu kết quả so sánh “bằng” là sai thì tiếp tục thực hiện tìm kiếm trên dãy ở nửa trước hoặc nửa sau phần tử đang so sánh.		
5	So sánh lần lượt từ giá trị của phần tử đầu tiên của dãy với giá trị cần tìm.		
6	Nếu dãy con cuối cùng cần tìm kiếm là dãy rỗng (không có phần tử nào) thì thông báo “không tìm thấy”.		
7	Nếu đến phần tử cuối cùng mà kết quả so sánh “bằng” là sai thì thông báo “không tìm thấy”.		

3. Cho dãy số: 47, 35, 36, 11, 36, 46, 36, 63, 36, 18, 24. Để tìm số 36 trong dãy số này bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự, ta cần thực hiện bao nhiêu lần lặp?

A. 3 lần. B. 5 lần. C. 7 lần. D. 9 lần.

4. Theo em, thuật toán tìm kiếm nào trong 2 thuật toán đã học là phù hợp nhất để tìm một số trong dãy số 14, 17, 21, 25, 30, 52, 66? Vì sao em không chọn thuật toán còn lại?

Hãy mô phỏng thuật toán phù hợp nhất đã chọn để tìm số 30 trong dãy số trên bằng cách điền thông tin mỗi lần lặp vào bảng dưới đây.

Lần lặp	Số của dãy được kiểm tra	Đúng số cần tìm	Đã kiểm tra hết số
1
2
...

5. Bạn em có một bộ 20 thẻ số, mỗi thẻ ghi một số khác nhau, được đặt úp trên bàn theo thứ tự giá trị các số tăng dần từ trái sang phải. Bạn đố em lật tìm được đúng một số trong 20 thẻ số đó chỉ với tối đa 5 lần lật. Em có thực hiện được không? Vì sao?

THUẬT TOÁN SẮP XẾP

I. TÓM TẮT BÀI HỌC

- Sắp xếp cũng là việc thường xuyên phải thực hiện trong đời sống thực tiễn.

SẮP XẾP MỘT DÃY CÁC PHẦN TỬ THEO THỨ TỰ

Thuật toán sắp xếp nổi bọt

Thuật toán sắp xếp chọn

Thuật toán sắp xếp nổi bọt thực hiện sắp xếp dãy các phần tử (không giảm/không tăng) bằng cách lặp lại việc đổi chỗ 2 phần tử liền kề nếu chúng đứng sai thứ tự, cho đến khi dãy số được sắp xếp theo yêu cầu.

Thuật toán sắp xếp chọn thực hiện lặp lại quá trình chọn phần tử nhỏ nhất trong dãy chưa sắp xếp và đưa phần tử này về vị trí đầu tiên của dãy chưa sắp xếp đó, cho đến khi dãy chưa sắp xếp chỉ còn một phần tử.

- Ở cả hai thuật toán sắp xếp, bài toán ban đầu được chia thành những bài toán sắp xếp nhỏ hơn (qua mỗi lần lặp) để giải quyết.

Ở thuật toán sắp xếp chọn, ta còn sử dụng một thuật toán con là “Tìm phần tử nhỏ nhất dãy” (MIN). Tương tự, ta cũng có thể tìm phần tử lớn nhất (MAX).

Mô tả thuật toán tìm MAX:

Đầu vào: dãy các phần tử.

Đầu ra: phần tử lớn nhất và vị trí của nó trong dãy.

- Coi phần tử đầu tiên của dãy (vị trí là 1) là phần tử lớn nhất (MAX).
- So sánh lần lượt MAX với từng phần tử ở vị trí số 2 cho đến phần tử ở vị trí cuối cùng của dãy.
 - Nếu phần tử so sánh nhỏ hơn MAX thì giữ nguyên giá trị và vị trí của MAX.
 - Nếu phần tử so sánh lớn hơn MAX thì thay giá trị và vị trí của phần tử so sánh cho MAX.
- Thông báo: phần tử lớn nhất của dãy là MAX (là giá trị và vị trí cuối cùng mà MAX lưu lại).

II. BÀI TẬP

1. Hãy mô phỏng thuật toán sắp xếp nổi bọt để sắp xếp dãy số 19, 16, 18, 15 (ở *Hình 1, SGK trang 76*) theo thứ tự giảm dần vào bảng dưới đây (ở mỗi lần kiểm tra vị trí đúng của một cặp số, ta đóng khung cặp số đó, nếu cặp số đúng sai thứ tự thì ta vẽ mũi tên 2 chiều thể hiện việc đổi chỗ 2 số, kết quả mỗi lần được ghi lại ở dãy thẻ liền kề bên phải, ô chứa số đúng đứng thứ tự sau mỗi vòng lặp được tô màu để phân biệt).

Thứ tự	Dãy thẻ ban đầu	Các trạng thái trung gian của dãy thẻ trong quá trình thực hiện thao tác sắp xếp								Dãy thẻ đã sắp xếp xong
1	19	19	19	19						
2	16	16	18	18	18					
3	18	18	16	16						
4	15	15	15	15						
	Vòng lặp 1				Vòng lặp 2				Vòng lặp 3	

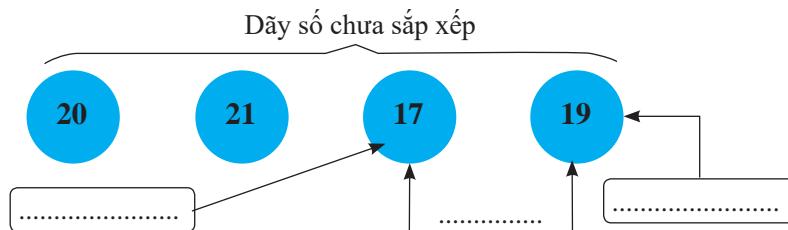
2. Trong mô phỏng thuật toán sắp xếp chọn để sắp xếp dãy thẻ số 20, 21, 17, 19 (ở *Hình 6 trong SGK trang 79*), nếu thay yêu cầu sắp xếp tăng dần thành sắp xếp giảm dần mà vẫn sử dụng thuật toán tìm phần tử nhỏ nhất của dãy thì ta cần thay đổi điều gì ở mỗi vòng lặp?

a) Trả lời câu hỏi trên bằng cách điền vào chỗ chấm:

Khi số chưa ở vị trí thì ta đổi chỗ hai số này.

b) Mô phỏng thuật toán bằng cách điền các thông tin, chỉ dẫn vào các hình dưới đây (tương tự như ở các *Hình 7, 8, 9, 10 trong SGK trang 80, 81*).

Vòng lặp 1.



Hình 1a. Số ở vị trí nên ta



Hình 1b. Kết quả sau vòng lặp 1

Vòng lặp 2.



Hình 2a.



Hình 2b.

Vòng lặp 3.



Hình 3a.



Hình 3b.

3. Lựa chọn phương án đúng.

Thuật toán sắp xếp nổi bọt thực hiện sắp xếp dãy số *không tăng* bằng cách lặp đi lặp lại việc đổi chỗ 2 số liên kề nhau nếu:

- A. Số đứng trước lớn hơn số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
- B. Số đứng trước nhỏ hơn số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
- C. Số đứng trước lớn hơn hay bằng số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.

4. Lựa chọn phương án đúng.

Thuật toán sắp xếp chọn thực hiện sắp xếp dãy số *giảm dần* bằng cách lặp đi lặp lại quá trình:

- A. Chọn số nhỏ nhất trong dãy chưa sắp xếp và đưa số này về vị trí đầu tiên của dãy đó.
- B. Chọn số lớn nhất trong dãy chưa sắp xếp và đưa số này về vị trí cuối cùng của dãy đó.

- C. Chọn số nhỏ nhất trong dãy chưa sắp xếp và đưa số này về vị trí cuối cùng của dãy đó.
5. Hãy sắp xếp dãy số 22, 16, 31, 12, 16, 20 theo thứ tự *không tăng* bằng thuật toán sắp xếp nổi bọt. Ghi kết quả của các vòng lặp vào bảng sau đây (ví dụ như các dòng 1, 2).

Vòng lặp	Dãy chưa sắp xếp	Cặp số so sánh đầu tiên	Đổi chỗ cặp số đầu tiên (có/không)	Dãy số có số lớn nhất đã ở đúng vị trí
1	22, 16, 31, 12, 16, 20	16, 20	Có	31, 22, 16, 20, 12, 16
2	22, 16, 20, 12, 16	12, 16	Có	22, 20, 16, 16, 12
...
...
...

6. Danh sách tên của các bạn trong tổ gồm Tiến, Vân, Phương, Bình, Anh, Hùng hiện đang được sắp xếp theo thứ tự chũ ngồi. Hãy sắp xếp lại danh sách theo vần a, b, c các chữ cái bắt đầu của tên các bạn bằng thuật toán sắp xếp chọn. Ghi kết quả của các vòng lặp vào bảng sau đây (ví dụ như dòng 1).

Vòng lặp	Dãy chữ cái bắt đầu của tên các bạn chưa được sắp xếp	Cặp chữ cái đầu tiên và “nhỏ nhất”	Đổi chỗ cặp chữ cái “nhỏ nhất” và đầu tiên (có/không)	Dãy chữ cái có chữ cái “nhỏ nhất” đã ở đúng vị trí
1	T, V, P, B, A, H	T, A	Có	A, V, P, B, T, H
2
...
...
...

7. Hãy sử dụng các thuật toán sắp xếp đã học để thực hiện sắp xếp danh sách các thành viên trong gia đình em theo thứ tự tháng sinh không giảm rồi tiếp tục sắp xếp theo ngày sinh không giảm đối với những người cùng tháng sinh (theo mẫu dưới đây).

Danh sách theo dõi sinh nhật các thành viên trong gia đình

STT	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh
1	bà nội		
2	bà ngoại		
...			



CÂU HỎI ÔN TẬP HỌC KÌ II

1. Chọn phương án đúng nhất.

Để lưu bảng tính đang mở, ta thực hiện:

- A. Vào **File**> **Save**.
- B. Nháy nút lệnh **Save** .
- C. Gõ tổ hợp phím **Ctrl + S**.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

2. Trong phần mềm MS Excel, khi nhập dữ liệu ngày sinh (ví dụ 10/15/2021) vào ô tính **A1**, mặc định dữ liệu sẽ được:

- A. Căn lề phải.
- B. Căn lề trái.
- C. Căn giữa.
- D. Căn lề hai bên.

3. Giả sử các ô tính **A1**, **A2**, **A3**, **A4**, **A5** chứa các dữ liệu lần lượt là: “Hà Nội”, “Nam Định”, “TP Hồ Chí Minh”, 2022, 2023. Tại ô tính **A6** ta nhập công thức **=count(A1:A5)**, kết quả sẽ là:

- A. 2.
- B. 3.
- C. 5.
- D. #VALUE!.

4. Phần mềm nào dưới đây có chức năng tạo bài trình chiếu?

- A. MS Word.
- B. MS Excel.
- C. MS PowerPoint.
- D. MS Access.

5. Chọn phương án đúng nhất.

Khi sử dụng phần mềm trình chiếu, ta có thể thực hiện:

- A. Định dạng văn bản trên trang trình chiếu.
- B. Chèn hình ảnh vào trang trình chiếu và thay đổi vị trí, kích thước, thêm đường viền tạo khung cho hình ảnh.
- C. Tạo được hiệu ứng động cho các trang trình chiếu và các đối tượng trên trang trình chiếu.
- D. Tất cả các phương án A, B, C.

- 6.** Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Trang tiêu đề của bài trình chiếu rất quan trọng vì giúp gây ấn tượng, thu hút sự chú ý của người xem ngay từ đầu.
 - B. Trong một trang trình chiếu càng sử dụng nhiều phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ càng tốt.
 - C. Mục đích của việc chèn hình ảnh trong trang trình chiếu là để minh họa cho nội dung trình bày và giúp bài trình chiếu trở nên sinh động, hấp dẫn hơn.
 - D. Thao tác định dạng văn bản trong phần mềm trình chiếu được thực hiện tương tự như trong phần mềm soạn thảo văn bản.
- 7.** Để tìm kiếm một số trong dãy số bằng thuật toán tìm kiếm tuần tự, ta thực hiện:
- A. Lấy ngẫu nhiên một số trong dãy số để so sánh với số cần tìm.
 - B. Sắp xếp dãy số theo thứ tự không giảm.
 - C. So sánh lần lượt từ số đầu tiên trong dãy số với số cần tìm.
 - D. So sánh số cần tìm với số ở giữa dãy số.
- 8.** Thuật toán sắp xếp nổi bọt thực hiện sắp xếp dãy số không tăng bằng cách lặp đi lặp lại việc đổi chỗ 2 số liên kề nhau nếu:
- A. Số đứng trước lớn hơn số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
 - B. Số đứng trước nhỏ hơn số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
 - C. Số đứng trước lớn hơn hoặc bằng số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
 - D. Số đứng trước nhỏ hơn hoặc bằng số đứng sau cho đến khi dãy số được sắp xếp.
- 9.** Phát biểu nào dưới đây là sai khi nói về định dạng văn bản trên trang trình chiếu?
- A. Thao tác định dạng văn bản trong phần mềm trình chiếu tương tự như trong phần mềm soạn thảo văn bản.
 - B. Không nên sử dụng quá nhiều phông chữ trên một trang cũng như trong một bài trình chiếu.
 - C. Nên sử dụng cỡ chữ nhỏ hơn cho tiêu đề, cỡ chữ lớn hơn cho phần nội dung.
 - D. Không sử dụng quá nhiều màu chữ và màu chữ cần tương phản với màu nền để dễ đọc.
- 10.** Nút lệnh nào sau đây dùng để thay đổi kí hiệu đầu mục phân cấp?



11. Ghép nối mỗi mục ở cột A với một mục ở cột B cho phù hợp:

Cột A	Cột B
1) Để tạo hiệu ứng chuyển trang trình chiếu ta cần sử dụng thẻ:	a) cấu trúc phân cấp.
2) Để tạo hiệu ứng động cho các đối tượng trên trang trình chiếu ta cần sử dụng thẻ:	b) Transitions.
3) Văn bản trên trang trình chiếu cần được định dạng để:	c) rõ ràng, dễ đọc.
4) Nội dung bài trình chiếu nên được trình bày theo:	d) Animations.

Kết quả ghép nối:

12. Cho bảng tính như *Hình 1*:

A	B	C	D	E
STT	Tên sản phẩm	Giá tiền	Số lượng	Thành tiền
1	1 Vở ghi	5000	10	=C2*D2
2	2 Bút bi	2500	5	
3	3 Thước kẻ	2000	1	
4				Tổng
5				

Hình 1

Sau khi thực hiện sao chép công thức từ ô tính E2 đến khối ô tính E3:E4, em hãy cho biết công thức tại:

Ô tính E3:

Ô tính E4:.....

13. Cho bảng số liệu tính thi đua hàng tuần của khối 7 như *Hình 2*.

C	D	E	F	G	H	I	
1	BẢNG ĐIỂM TÍNH THI ĐUA HÀNG TUẦN CỦA KHỐI 7						
2	Chào cờ Hệ số 1	Đồng phục Hệ số 1	Vệ sinh lớp học Hệ số 1	Lao động Hệ số 1	Số ghi đầu bài Hệ số 2	Tổng điểm	Điểm trung bình
3	10	10	9.5	10	9.8		
4	10	10	10	10	9.65		
5	9.5	10	9	10	9.1		
6	9	8	10	10	8.9		
7						Điểm trung bình cao nhất	
8						Điểm trung bình thấp nhất	

Hình 2

Em hãy viết công thức, hàm để:

- a) Tính tổng điểm tại ô tính **H3**:
- b) Tính điểm trung bình tại ô tính **I3**:
- c) Tính điểm trung bình cao nhất tại ô tính **I7**:
- d) Tính điểm trung bình thấp nhất tại ô tính **I8**:

14. Chọn các cụm từ dưới đây để điền vào chỗ chấm cho phù hợp.

- a) phân tử; b) sắp xếp; c) nhỏ nhất; d) đầu tiên; e) lặp lại.

Thuật toán sắp xếp chọn thực hiện1)..... quá trình chọn phân tử2)..... trong dãy chưa3)..... và đưa4)..... này về vị trí phân tử5)..... của dãy chưa sắp xếp.

15. Em hãy nêu các bước của thuật toán tìm kiếm nhị phân?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Chân trời sáng tạo

HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁP ÁN

Bài 1. Thiết bị vào và thiết bị ra

1. a) tiếp nhận; chuyển đổi; đưa vào; b) trong máy tính;
c) chức năng chuyển đổi.
2. A, C, D, E 3. A, B, D, G, H 4. A, B, D, G 5. A
6. Bởi vì chúng không thực hiện chức năng chuyển đổi dạng thông tin thường
gặp thành dữ liệu số trong máy tính và ngược lại.
7. A, C 8. A, C 9. B, C, D

Bài 2. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng

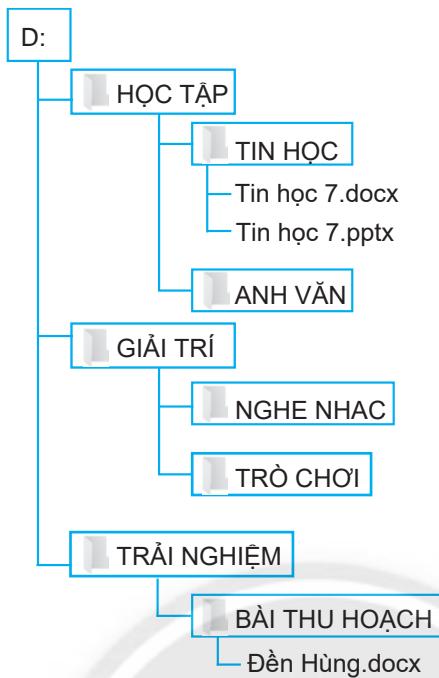
1. a) quản lí; phối hợp;
b) cung cấp; thông tin;
c) phần cứng;
d) xử lí.
2. C
3. B, D
4. a) Hệ điều hành; chương trình;
b) giao tiếp;
c) tổ chức và quản lí; môi trường;
d) dữ liệu, virus.
5. B
6. 1 - c; 2 - d; 3 - a; 4 - b.
7. Hệ điều hành: Linux; Android; Windows 10.

Phần mềm ứng dụng: MS PowerPoint; iMindMap; MS Excel; MS Word;
WinRAR.

Bài 3. Thực hành thao tác với tệp và thư mục

1. A, B, D
2. E
3. B, C

4.



Hình 1. Cây thư mục sau khi thực hiện

5. Đây là bài có đáp án mở. HS cần để xuất và giải thích tính hợp lí của cây thư mục cần tạo. Một trong những phương án tạo cây thư mục có thể như sau:

Tạo thư mục **DULICHIADIINH**, trong đó có các thư mục con là năm (ví dụ 2021, 2022, 2023, ...), trong mỗi thư mục năm này có các thư mục ngày tháng (ví dụ, 29-6, 30-6, 01-7, ...) và trong thư mục ngày tháng có các thư mục là tên di tích, danh lam, thắng cảnh (ví dụ, Hồ Gươm, Lăng Bác, Công viên Thủ Lệ, ...)

Bài 4. Phân loại tệp và bảo vệ dữ liệu trong máy tính

1. a) phân loại; Phân mỏ rộng.
b) bảo vệ dữ liệu; an toàn dữ liệu.
c) sao lưu.
d) phần mềm diệt virus.
2. A, B, D
3. A, C, D
4. A, B, C, D, E
5. 1 - c; 2 - d; 3 - a; 4 - b.
6. A, B, C, D.

Bài 5. Mạng xã hội

1. 1 - c; 2 - a; 3 - d; 4 - b.

2. C

3. D

4. A

5. – Nếu em và bạn đã là bạn bè của nhau trên mạng xã hội facebook thì khi tạo và đăng tải bài viết em cần gắn thẻ bạn bè với bạn của em.

– Nếu em và bạn chưa là bạn bè thì trước hết em và bạn cần kết bạn để trở thành bạn bè, sau đó em mới gắn thẻ tên bạn trong bài viết của mình được.

6. Đây là câu hỏi mở, do vậy cần tôn trọng câu trả lời của HS. Vì mỗi học sinh có những nhu cầu và sở thích riêng khi sử dụng mạng xã hội.

Gợi ý:

- Sử dụng mạng xã hội **Zalo**, thích nhất chức năng gọi video call hoặc nhắn tin nhanh, ...
- Sử dụng mạng xã hội **Facebook**, thích nhất chức năng đăng tải bài viết ở chế độ “chỉ mình tôi” để lưu trữ dữ liệu lâu dài, ...
- Sử dụng mạng xã hội **Youtube**, thích nhất chức năng quản lý được tất cả các video của mình và thời gian phát hành video, ...

7. HS xem kĩ hướng dẫn và thực hành tạo nhóm.

8. HS đọc lại SGK phần c mục 2 để tạo và đăng bài viết.

Câu hỏi ôn tập giữa kì I

1. B 2. A 3. C 4. D 5. D 6. B 7. C 8. A 9. D 10. D

11. Các thiết bị nhớ (ổ đĩa cứng, thẻ nhớ, đĩa quang, ...) không được coi là thiết bị vào – ra vì chúng không thực hiện chức năng chuyển đổi dạng thông tin thường gấp thành dữ liệu số trong máy tính và ngược lại.

12. Hệ điều hành là phần mềm hệ thống, điều khiển và quản lí mọi hoạt động của máy tính. Hệ điều hành có chức năng cung cấp, quản lí môi trường chạy các phần mềm ứng dụng, trao đổi thông tin giữa người dùng và máy tính; tổ chức lưu trữ và quản lí dữ liệu trong máy tính.

13. Những thao tác có thể thực hiện với một thư mục: đổi tên, di chuyển thư mục, tạo thư mục mới, tệp mới trong thư mục, sao chép, xoá thư mục.

14. Để bảo vệ dữ liệu trong máy tính của mình, em nên làm những việc sau:

- Thường xuyên sao lưu dữ liệu định kì và cài đặt phần mềm diệt virus trên máy tính.
- Cập nhật bản vá lỗi hệ điều hành.
- Không sao chép dữ liệu từ các thiết bị lưu trữ ngoài chưa đủ độ tin cậy.

15.

- Ưu điểm:

- Giúp người dùng dễ dàng tiếp cận các nguồn thông tin đa dạng, phong phú;
- Kết nối người dùng, giao lưu, học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng, ...;
- Tham gia các lớp học online, mua hàng trực tuyến, ...

- Hạn chế:

- Mạng xã hội tiềm ẩn những nguy cơ như thông tin không chính xác, không lành mạnh, không phù hợp lứa tuổi;
- Tin nhắn rác, lừa đảo, bắt nạt, phát tán mã độc, ...
- Dễ bị nghiện Internet và mạng xã hội.

Bài 6. Văn hóa ứng xử qua phương tiện truyền thông số

1.

Việc	Nên làm	Không nên làm
a) Đọc các tin nhắn Zalo của bố mẹ khi được phép dùng điện thoại của bố mẹ để học trực tuyến.		✓
b) Lấy ảnh của bạn làm ảnh đại diện trên tài khoản Facebook cá nhân của mình.		✓
c) Đăng một câu chuyện bịa đặt lên mạng xã hội nhằm mục đích câu view, câu like.		✓
d) Chia sẻ bài viết về việc thầy, cô và các bạn ở trường em quyên góp ủng hộ quần áo, sách vở cho các bạn vùng khó khăn.	✓	
e) Tham gia bình luận, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội về một bạn học sinh nào đó khi chưa biết thông tin đó đúng hay sai.		✓
g) Kết nối vào mạng không dây miễn phí của trường em khi được thầy cô cho phép.	✓	

h) Thông báo với với bố mẹ, thầy cô để được hỗ trợ khi bị nói xấu, đe dọa trên mạng.	✓	
i) Truy cập vào một trang web có nội dung không lành mạnh để xem và chia sẻ cho bạn bè.		✓
k) Chia sẻ ảnh và thông tin cá nhân của người khác lên mạng xã hội mà chưa được sự đồng ý của người đó.		✓

2. D

3. C

4. B

5.

a) Chỉ truy cập Internet để phục vụ học tập, giải trí lành mạnh.	✓
b) Cần hình thành thói quen truy cập Internet mọi lúc, mọi nơi, không rõ mục đích.	
c) Tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện thể chất, vui chơi ngoài trời.	✓
d) Tăng cường giao lưu, trò chuyện trực tiếp với người thân, bạn bè.	✓
e) Cài đặt phần mềm giới hạn thời gian truy cập Internet.	✓
g) Rèn luyện thói quen thức khuya để sử dụng mạng Internet.	

6. 1-b; 2-a; 3-c.

7. Gợi ý

Nếu bị bắt nạt qua mạng, em cần làm những việc sau:

- Thông báo sự việc cho người lớn đáng tin cậy (ví dụ như thầy cô giáo, bố mẹ hay các cơ quan có thẩm quyền để được hỗ trợ giải quyết).
 - Lưu lại những tin nhắn, lời nói đe doạ, bắt nạt để làm bằng chứng.

8. Gợi ý

Việc làm của Lan là không phù hợp vì Lan đã chia sẻ hình ảnh, thông tin cá nhân của những người khác lên mạng xã hội khi chưa có sự đồng ý của những người đó.

Bài 7. Phần mềm bảng tính

1. C

2. B

3. a) Cột; b) Trang tính; c) Hàng; d) Bảng chọn;
e) Ô tính; g) Bảng tính – Cột – Hàng – Ô tính.

4. B 5. D 6. C 7. (c)-(a)-(b)-(d)
 8. D 9. A 10. (d)-(a)-(c)-(b) 11. B
 12. A 13. C

14.

Biểu thức Toán học	Biểu thức trong MS Excel
$25 \times 4 + 18 : 3 - 10$	$25*4+18/3-10$
$8^3 - 6^2 + 20 : 5 \times 2$	$25*4+18/3-10$
$\frac{(6 + 10)^2}{8}$	$((6 + 10)^2)/8$
$6ab + 2xy^2$	$6*a*b+2*x*y^2$
$\frac{72 : 3}{8 + 4}$	$(72/3)/(8+4)$
$25 \times 6 : (28 + 2)$	$25*6/(28+2)$

15. 1 - e; 2 - d; 3 - b; 4 - a; 5 - c.

16.

Thao tác	Kết quả
Nháy chuột vào ô tính D5.	Ô tính được chọn: D5, Nội dung hộp tên: D5.
Nháy chuột vào tên hàng 4, nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào tên hàng 9.	Các hàng được chọn: 4, 9. Nội dung hộp tên: A9.
Nháy chuột vào tên cột B, nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào tên cột F.	Các cột được chọn: B, C, D, E, F. Nội dung hộp tên: B1.
Nháy chuột vào ô tính B4, nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào ô tính H2.	Địa chỉ các ô tính được chọn: B4, H2. Nội dung hộp tên: H2
Nháy chuột vào tên hàng 3, nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào tên hàng 8.	Các hàng được chọn: 3, 4, 5, 6, 7, 8. Nội dung hộp tên: A3.
Nháy chuột ở hộp tên và nhập nội dung B3:F8, gõ phím Enter.	Địa chỉ khối: B3:F8. Nội dung hộp tên: B3.

Nháy chuột vào tên cột C , nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào tên cột G .	Các cột được chọn: C, G . Nội dung hộp tên: G1 .
Nháy chuột vào ô tính C2 , nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào ô tính G6 .	Địa chỉ khối: C2:G6 . Nội dung hộp tên: C2 .

17.

- a) Cách 1: $=58.45/(1.52^*1.52)$.
 Cách 2: $=58.45/1.52^2$.
 b) $=(1.52+1.49+1.5+1.56+1.49+1.5)/6$.
 c) $=(58.45+50+56.7+51+40+50.25)/6$.
 d) $=(25.3+22.52+25.2+20.96+18.02+22.33)/6$.

Bài 8. Sử dụng địa chỉ ô tính trong công thức

1. B

2. A

3. A

4. (b)-(a)-(d)-(c).

5. B

6. C

7.

a)

Giá trị ô tính A4	Kết quả trong các ô tính			
	B5	C6	D7	E8
2	6	4	12	16
3	6	9	27	36
4	6	16	48	64
5	6	25	75	100
6	6	36	108	144

b)

- ❶ **B5**, bởi vì công thức ở ô tính **B5** có tham số là giá trị cụ thể.
 ❷ **C6, D7, E8**, bởi vì công thức ở ô tính **C6, D7, E8** có tham số là địa chỉ ô tính.

8.

	A	B	C	D	E
1					
2	SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ Ô TÍNH TRONG CÔNG THỨC				
3					
4	3			13	8
5		4		6	1
6			6	42	8

9.

a) Cách 1: $E5/(D5*D5)$.

Cách 2: $E5/D5^2$.

b) Có thể thực hiện sao chép công thức bằng một trong hai cách: sử dụng lệnh **Copy, Paste** hoặc sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).

c) $(D5+D6+D7+D8+D9+D10)/6$.

d) Có thể thực hiện sao chép công thức bằng một trong hai cách: sử dụng lệnh **Copy, Paste** hoặc sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).

e) Ô tính có kết quả thay đổi là: **F5, D11, F11**.

g) Ô tính có kết quả thay đổi là: **F6, E11, F11**.

10.

a) $D4+E4+F4$.

b) Có thể thực hiện sao chép công thức bằng một trong hai cách: sử dụng lệnh **Copy, Paste** hoặc sử dụng chức năng tự động điền dữ liệu (**Autofill**).

c) Thực hiện lưu bảng tính với tên tệp là **Bang_cham_so_ca_truc**.

Câu hỏi ôn tập học kì I

1. C	2. A	3. D	4. D	5. C	6. C	7. A	8. A	9. B	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

11. Cấu trúc chung của máy tính gồm: thiết bị vào, thiết bị ra, bộ xử lý trung tâm, bộ nhớ ngoài và bộ nhớ trong.

12. Khi thấy bạn mình bị bắt nạt qua mạng thì em nên hỏi thăm về vấn đề bạn đang gặp phải và có thể cho bạn một vài lời khuyên như: nên rời khỏi máy tính, điện thoại hoặc khuyên bạn nên nhờ đến sự giúp đỡ của thầy cô, bố mẹ.

13. Một vài tác hại của nghiện Internet như:

- Thị lực, sức khoẻ và kết quả học tập giảm sút;
- Bị phụ thuộc vào thế giới ảo, thờ ơ, vô cảm với xung quanh, dễ bị tự kỷ, trầm cảm;
- Trốn học, nói dối, trộm cắp để có thời gian và tiền bạc cho việc sử dụng Internet, tham gia trò chơi trực tuyến;
- Ít vận động thể chất, ngại giao lưu, ngại trò chuyện với những người xung quanh;

14. 1 – c; 2 – a; 3 – d; 4 – b.

15. Tại ô **G3** gõ công thức $=D3+E3*2+F3*3$.

BÀI 9. Định dạng trang tính, chèn thêm và xoá hàng, cột

1. B 2. C 3. C 4. B 5. A

6. A 7. C 8. C 9. B 10. C

11. Thực hiện được các yêu cầu chèn, xoá hàng, cột; lập được công thức để tính đúng *Tổng số ca*, *Tổng số công*, *Thực lịnh* và thực hiện được việc sao chép công thức cho các ô tính có cách tính tương tự; Thực hiện định dạng trang tính để có kết quả như *Hình 6*.
12. Nhập dữ liệu, thực hiện định dạng để có trang tính như *Hình 7*. Lưu được trang tính để sử dụng cho bài sau.

Bài 10. Sử dụng hàm để tính toán

1. D 2. A 3. (c)-(a)-(d)-(b) 4. D
5.

Tên hàm	Tính năng của hàm
SUM	Tính tổng các giá trị số trong danh sách tham số của hàm.
AVERAGE	Tính trung bình cộng các giá trị số trong danh sách tham số của hàm.
MAX	Tìm giá trị lớn nhất của các giá trị số trong danh sách tham số của hàm.
MIN	Tìm giá trị nhỏ nhất của các giá trị số trong danh sách tham số của hàm.
COUNT	Đếm các giá trị số trong danh sách tham số của hàm.

6. C 7. D 8. B 9. C

10.

a) =SUM(D5:K5).

b)

Ô tính	Hàm được nhập
D25	=SUM(D5:D24)
D26	=AVERAGE(D5:D24)
D27	=MAX(D5:D24)
D28	=MIN(D5:D24)
D29	=COUNT(D5:D24)

c)

i) Các ô tính: L8, L25, L26, L27, L29, F25, F26, F27, F29.

- ii) Các ô tính: L14, L25, L26, L29, H25, H26, H29.
 iii) Các ô tính: L12, L25, L26, K25, K26.

11.

- a) =SUM(C3:E3).
 b)

Ô tính	Hàm được nhập
C15	=SUM(C3:C14)
C16	=AVERAGE(C3:C14)
C17	=MAX(C3:C14)
C18	=MIN(C3:C14)

- c) =COUNT(E3:E14).

Bài 11. Tạo bài trình chiếu

1. B

2.

	Nên làm	Không nên làm
a)	✓	
b)		✓
c)	✓	
d)	✓	
e)		✓

3. C

4. D

5. 1 – b; 2 – d; 3 – a; 4 – c.

6. (c)–(a)–(d)–(b)

7. a) tiêu đề; b) mẫu bối trí; c) hình ảnh.

8. 1 – d; 2 – c; 3 – a; 4 – e; 5 – b

9. C

10. Học sinh đọc nội dung SGK phần 3 tạo cấu trúc phân cấp trong trang chiếu, thực hiện được các thao tác sau:

+ Trang tiêu đề: Chọn mẫu bối cục **Title Slide** có thông tin sau:

– Tiêu đề: TỪ VỰNG TIẾNG ANH

– Phụ đề: Nguyễn Trường Sơn – Trường THCS Lê Lợi

- + Trang nội dung: Chọn mẫu bố cục **Title and Content**, sử dụng cấu trúc phân cấp để trình bày thông tin.
 - Mức 1: ba chủ đề.
 - Mức 2: các từ vựng (động từ, danh từ).
 - Mức 3: từ vựng cụm danh từ.
- + Chọn kí hiệu đầu mục phân cấp cùng mức 1, mức 2, mức 3 lần lượt là ➤, ✓, ■.
- + Chọn màu chữ đỏ, kiểu chữ nghiêng cho mức phân cấp cùng mức 1.
- + Thay đổi kí hiệu đầu mục phân cấp cùng mức 1 sang kí hiệu ♦, màu chữ xanh lá, kiểu chữ đậm và nghiêng.
- + Thay đổi phân cấp cùng mức 3 màu chữ xanh dương.

Câu hỏi ôn tập giữa kì II

1. D	2. C	3. C	4. C	5. A	6. C	7. D	8. C	9. A	10. B
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	--------------

11. C3:G6; Sau khi gộp ô tính và căn giữa, dữ liệu trong ô tính kết quả là: 10.

12. (b)–(a)–(d)–(c).

13. $=(E2+E3*2+E4*3)/6$.

14. 1 – e; 2 – a; 3 – b; 4 – c; 5 – d.

15. Em có thể viết 1 trong 3 công thức sau đều đúng:

=Sum(A1:A5)/5;

=Average(A1:A5);

$=(A1+A2+A3+A4+A5)/5$.

Bài 12. Sử dụng ảnh minh họa, hiệu ứng động trong bài trình chiếu

- 1. C**
- 2. B**
- 3. B**
- 4. B, C**
- 5. A, B, D**
- 6. B, D, E**
- 7. C**
- 8. B**
- 9.** a) không nên b) nên c) nên
d) không nên e) không nên

10. 1 - c; 2 - a; 3 - d; 4 - b.

11. D

12. 1 - b; 2 - d; 3 - a; 4 - c.

13. D

14. 1 - d; 2 - a; 3 - b; 4 - c.

15. Tuy bạn Phương đã mở trang tiêu đề nhưng chưa chọn đổi tượng tiêu đề “TÙ VỤNG TIẾNG ANH” nên các biểu tượng hiệu ứng động trong nhóm **Animation** bị mờ. Bạn Phương chỉ cần chọn khung tiêu đề “TÙ VỤNG TIẾNG ANH”, các biểu tượng sẽ hiện rõ và chọn được.

16. HS đọc nội dung SGK, thực hiện được các thao tác sau:

- + Chèn hình ảnh minh họa cho các môn thể thao, các dụng cụ âm nhạc, các loại hoa.
- + Di chuyển vị trí, thay đổi kích thước hình ảnh (nếu cần), chọn **Picture Border** để tạo đường viền cho hình ảnh.
- + Áp dụng hiệu ứng chuyển trang **Split** giống nhau cho tất cả các trang của bài trình chiếu.
- + Áp dụng hiệu ứng động **Float in** cho các đối tượng kênh chữ, thời điểm xuất hiện hiệu ứng **On Click**, thời lượng thực hiện hiệu ứng **Duration: 1.5**.
- + Áp dụng hiệu ứng động **Checkerboard** cho các đối tượng hình ảnh, thời điểm xuất hiện hiệu ứng **After Previous**, thời lượng thực hiện hiệu ứng **Duration: 1**.
- + Thực hiện trình chiếu từ đầu trang (gõ phím **F5**).

Bài 13. Thuật toán tìm kiếm

1. 1-b; 2-a; 3-d; 4-c.

2.

STT	Thuật toán tìm kiếm	
	tuần tự	nhi phân
1		✓
2	✓	✓
3	✓	
4		✓
5	✓	
6		✓
7	✓	

3. A

4. Sử dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân là phù hợp nhất để tìm một số trong dãy số này vì đây là dãy số sắp xếp tăng dần, số lần lặp phải thực hiện ít hơn hẳn so với khi sử dụng thuật toán tìm kiếm tuần tự (ta sẽ thấy rõ khi dãy có nhiều phần tử và phần tử cần tìm cách xa phần tử đầu tiên).

Lần lặp	Số của dãy được kiểm tra	Đúng số cần tìm	Đã kiểm tra hết số
1	25	Sai	Sai
2	52	Sai	Sai
3	30	Đúng	

5. Trả lời: thực hiện được.

Giải thích: Áp dụng thuật toán tìm kiếm nhị phân.

Theo công thức phân nguyên, ta xác định và lật thẻ ở giữa như sau (giả định trường hợp xấu nhất là lần lật cuối cùng mới đúng số cần tìm):

- Lần 1: lật 1 thẻ trong 20 thẻ, ta lật thẻ thứ 10.
- Lần 2: lật 1 thẻ trong 9 thẻ bên trái hoặc trong 10 thẻ bên phải thẻ thứ 10, ta lật thẻ thứ 5 hoặc lật thẻ thứ 15.

Cứ tiếp tục chọn và lật như vậy thì đến lần 5, sẽ chỉ còn 1 số để lật và chắc chắn tìm được số theo yêu cầu.

STT thẻ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	10	20
Lần 1										✓										
Lần 2						✓														
Lần 3			✓					✓						✓						✓
Lần 4	✓			✓			✓			✓			✓			✓			✓	
Lần 5					✓				✓						✓		✓			✓

Bài 14. Thuật toán sắp xếp

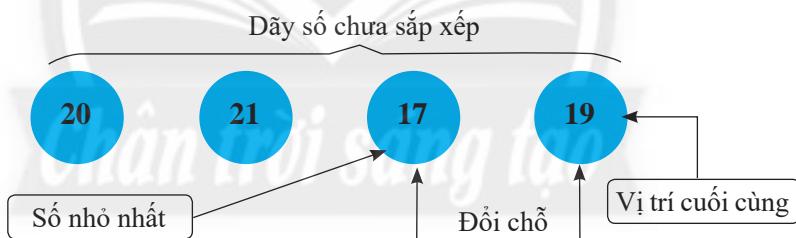
1.

Thứ tự	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Dãy thẻ	Kết quả
1	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19
2	16	16	18	18	18	18	18	18	18	18
3	18	18	16	16	16	16	16	16	16	16
4	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
	Vòng lặp 1				Vòng lặp 2			Vòng lặp 3		

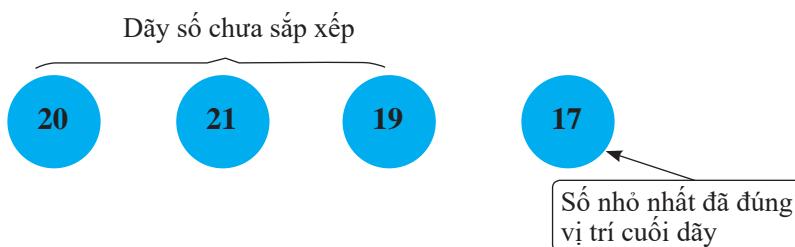
2. a) Khi số **nhỏ nhất** chưa ở vị trí cuối cùng thì ta đổi chỗ hai số này.

b)

Vòng lặp 1.

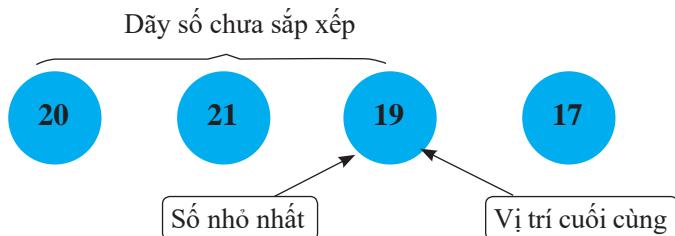


Hình 1a. Số nhỏ nhất chưa ở vị trí cuối cùng nên ta đổi chỗ hai số này



Hình 1b. Kết quả sau vòng lặp 1

Vòng lặp 2.

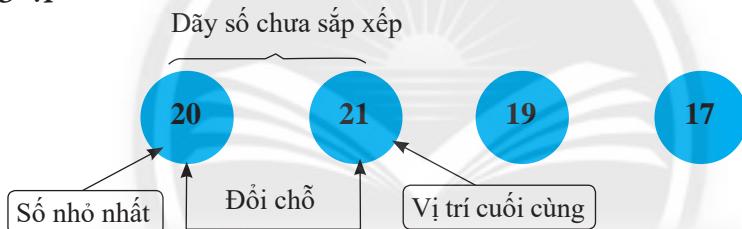


Hình 2a. Số nhỏ nhất đã ở vị trí cuối cùng nên ta không đổi chỗ



Hình 2b. Kết quả sau vòng lặp 2

Vòng lặp 3.



Hình 3a. Số nhỏ nhất chưa ở vị trí cuối cùng nên ta đổi chỗ hai số này



Hình 3b. Kết quả sau vòng lặp 3



Hình 4. Dãy được sắp xếp xong

3. B

4. C

5.

Vòng lặp	Dãy chưa sắp xếp	Cặp số so sánh đầu tiên	Đổi chỗ cặp số đầu tiên (có/không)	Dãy số có số lớn nhất đã ở đúng vị trí
1	22, 16, 31, 12, 16, 20	16, 20	Có	31, 22, 16, 20, 12, 16
2	22, 16, 20, 12, 16	12, 16	Có	22, 20, 16, 16, 12
3	20, 16, 16, 12	16, 12	Không	20, 16, 16, 12
4	16, 16, 12	16, 12	Không	16, 16, 12
5	16, 12	16, 12	Không	16, 12

6.

Vòng lặp	Dãy chữ cái bắt đầu của tên các bạn chưa được sắp xếp	Cặp chữ cái đầu tiên và “nhỏ nhất”	Đổi chỗ cặp chữ cái “nhỏ nhất” và đầu tiên (có/không)	Dãy chữ cái có chữ cái “nhỏ nhất” đã ở đúng vị trí
1	T, V, P, B, A, H	T, A	Có	A, V, P, B, T, H
2	V, P, B, T, H	V, B	Có	B, P, V, T, H
3	P, V, T, H	H, P	Có	H, V, T, P
4	V, T, P	V, P	Có	P, T, V
5	T, V	T, V	Không	T, V

7. Lựa chọn hai thuật toán sắp xếp khác nhau cho việc sắp xếp danh sách theo ngày sinh và theo tháng sinh. Sau khi sắp xếp theo tháng sinh, toàn bộ danh sách sẽ hình thành các (đoạn) danh sách con các thành viên có cùng tháng sinh. Tiếp tục sắp xếp các danh sách con đó theo ngày sinh để hoàn thành công việc được giao.

Câu hỏi ôn tập học kì II

1. D 2. A 3. A 4. C 5. D 6. B 7. C 8. B 9. C 10. D

11. 1 – b; 2 – d; 3 – a; 4 – c.

12.

Ô tính E3: =C3*D3.

Ô tính E4: =C4*D4.

13.

a) Học sinh có thể viết 1 trong 3 công thức dưới đây đều đúng.

=SUM(C3:G3,G3).

=SUM(C3,D3,E3,F3,G3*2).

=C3+D3+E3+F3+G3*2.

b) HS có thể viết 1 trong 3 công thức dưới đây đều đúng.

=H3/6.

=AVERAGE(C3:G3,G3).

=AVERAGE(C3,D3,E3,F3,G3,G3).

c) =MAX(I3:I6).

d) =MIN(I3:I6).

14. 1-e, 2-c, 3-b, 4-a, 5-d.

15. Các bước của thuật toán tìm kiếm nhị phân

- Áp dụng với dãy giá trị đã được sắp xếp (không giảm hoặc không tăng)

- Ở mỗi lần lặp, thực hiện:

Bước 1. So sánh giá trị cần tìm với giá trị của phần tử giữa dãy đang xét.

Bước 2. Nếu bằng nhau thì thông báo vị trí tìm thấy và kết thúc.

Bước 3. Nếu nhỏ hơn thì xét dãy ở nửa trước, nếu lớn hơn thì xét dãy ở nửa sau.

Bước 4. Nếu dãy rỗng thì thông báo không tìm thấy và kết thúc tìm kiếm,
không thì quay lại Bước 1.

Chân trời sáng tạo

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN ĐẶNG TRÍ TÍN – TRẦN HÀ SƠN

Biên tập mĩ thuật: TÔNG THANH THẢO

Thiết kế sách: THANH THẢO

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: MÃ TRƯỜNG VINH – VŨ NHÂN KHÁNH

Ché bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP TIN HỌC 7 (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH7I001M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 17x24cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/2-708/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-32727-7



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập
NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
2. Bài tập
NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
3. Bài tập
TOÁN 7, TẬP MỘT
4. Bài tập
TOÁN 7, TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Workbook
6. Bài tập
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
7. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN LỊCH SỬ)
8. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7 (PHẦN ĐỊA LÍ)
9. Bài tập
KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
10. Bài tập
CÔNG NGHỆ 7
11. Bài tập
TIN HỌC 7
12. Bài tập
ÂM NHẠC 7
13. Bài tập
MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
14. Bài tập
MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
15. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
16. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem
để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>
và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-32727-7

9 786040 327277

Giá: 13.000 đ